

Số: 24 /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2025

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn một số thông tin chi tiết trong hệ thống thông tin,
Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng**

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Dữ liệu ngày 30 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn một số thông tin chi tiết trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn chi tiết nội dung quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (sau đây gọi chung là *Nghị định số 111/2024/NĐ-CP*), gồm:

a) Thông tin chi tiết về quy hoạch đô thị và nông thôn (sau đây gọi chung là *quy hoạch*);

- b) Thông tin chi tiết về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng;
- c) Mã số thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Thông tư này không áp dụng đối với thông tin, dữ liệu về quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và cần đảm bảo bí mật nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, cập nhật, điều chỉnh, duy trì, quản lý, khai thác và sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Chương II

THÔNG TIN, DỮ LIỆU VỀ QUY HOẠCH, DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG VÀ MÃ SỐ THÔNG TIN TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN, CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 3. Thông tin, dữ liệu về quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

1. Thông tin về mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi có quy hoạch được lập, nơi thực hiện dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam và được thể hiện tại Phụ lục I Thông tư này.

2. Dữ liệu về quy hoạch được quy định tại Phụ lục II Thông tư này.

3. Dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng được quy định tại Phụ lục III Thông tư này.

4. Các bảng tổng hợp thông tin, dữ liệu về hoạt động xây dựng được quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.

Điều 4. Quy định về mã số thông tin quy hoạch

- 1. Mã số thông tin về quy hoạch là một dãy số gồm 12 ký tự số.
- 2. 02 ký tự đầu tiên thể hiện mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi có quy hoạch được lập theo Phụ lục I Thông tư này.
- 3. 02 ký tự tiếp theo thể hiện hai số cuối của năm trình phê duyệt quy hoạch.
- 4. 01 ký tự tiếp theo thể hiện cấp độ quy hoạch như sau:
 - a) Số một “1” thể hiện là quy hoạch chung;
 - b) Số hai “2” thể hiện là quy hoạch phân khu;
 - c) Số ba “3” thể hiện là quy hoạch chi tiết;
 - d) Số bốn “4” thể hiện là quy hoạch chi tiết được lập theo quy trình rút gọn (quy hoạch tổng mặt bằng).

5. 01 ký tự tiếp theo thể hiện loại quy hoạch như sau:

- a) Số một “1” thể hiện là quy hoạch đô thị;
- b) Số hai “2” thể hiện là quy hoạch nông thôn;
- c) Số ba “3” thể hiện là quy hoạch khu chức năng;
- d) Số bốn “4” thể hiện là quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với thành phố trực thuộc trung ương;
- đ) Số năm “5” thể hiện là quy hoạch không gian ngầm đối với thành phố trực thuộc trung ương.

6. 01 ký tự tiếp theo thể hiện loại điều chỉnh quy hoạch như sau:

- a) Số không “0” thể hiện là quy hoạch được lập lần đầu hoặc lập mới;
- b) Số một “1” thể hiện là điều chỉnh tổng thể quy hoạch;
- c) Số hai “2” thể hiện là điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

7. 05 ký tự tiếp theo thể hiện dãy số ngẫu nhiên.

Điều 5. Quy định về mã số thông tin dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

1. Mã số dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng là một dãy gồm 13 ký tự số.

2. 02 ký tự đầu tiên thể hiện mã số đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi thực hiện dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng theo Phụ lục I Thông tư này.

3. 02 ký tự tiếp theo thể hiện hai số cuối của năm dự án, công trình được thẩm định hoặc cấp giấy phép xây dựng.

4. 01 ký tự tiếp theo thể hiện loại dự án như sau:

- a) Số không “0” thể hiện loại công trình không phải lập dự án đầu tư xây dựng;
- b) Số một “1” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng;
- c) Số hai “2” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp;
- d) Số ba “3” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- đ) Số bốn “4” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông;
- e) Số năm “5” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn;
- g) Số sáu “6” thể hiện loại dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp.

5. 01 ký tự tiếp theo thể hiện trình tự thủ tục như sau:

- a) Số một “1” thể hiện dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng;
- b) Số hai “2” thể hiện thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở có yêu cầu thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng;
- c) Số ba “3” thể hiện công trình xây dựng được cấp giấy phép xây dựng.

6. 05 ký tự tiếp theo thể hiện dãy số ngẫu nhiên.

7. 02 ký tự tiếp theo thể hiện số lần thực hiện điều chỉnh thiết kế.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Đối với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị được phê duyệt theo pháp luật về xây dựng, quy hoạch đô thị và cấp có thẩm quyền quyết định còn hiệu lực mà chưa xây dựng hoặc chưa đầy đủ cơ sở dữ liệu thì trước ngày 31/12/2025, cơ quan lập quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm rà soát, bổ sung cơ sở dữ liệu số cơ bản và cơ sở dữ liệu số pháp lý theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan thẩm định quy hoạch được giao nhiệm vụ cập nhật thông tin, dữ liệu quy hoạch có trách nhiệm phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch để cập nhật thông tin chung về quy hoạch theo quy định tại Nghị định 111/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phụ lục II Thông tư này.

3. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính theo phân cấp về thẩm định, cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm phân công công chức, viên chức nhập, cập nhật thông tin chung điều chỉnh (nếu có) về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng theo quy định tại Nghị định 111/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phụ lục III Thông tư này.

4. Cơ quan, tổ chức lập quy hoạch, Chủ đầu tư (trừ chủ hộ gia đình đối với nhà ở riêng lẻ) hoặc người được chủ đầu tư ủy quyền theo quy định của pháp luật, các tổ chức có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng (nếu có) có trách nhiệm cập nhật thông tin chi tiết theo quy định tại Nghị định số 111/2024/NĐ-CP và hướng dẫn tại Phụ lục II và Phụ lục III Thông tư này.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ nhập thông tin chung, cập nhật thông tin chi tiết theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có trách nhiệm kiểm tra tính đầy đủ, chính xác và kịp thời nhập và cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

6. Người đứng đầu bộ, ngành, ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm xây dựng quy chế về nhập, cập nhật dữ liệu về quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng thuộc trách nhiệm quản lý trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bảo đảm thi hành hiệu lực, hiệu quả phù hợp với quy định của Thông tư này và Nghị định số 111/2024/NĐ-CP.

7. Việc nhập, cập nhật dữ liệu thực hiện trên hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng tại địa chỉ <https://csdlhxd.gov.vn>. Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn công tác nhập và lộ trình cập nhật dữ liệu bảo đảm phù hợp lộ trình thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP.

8. Dữ liệu mở công bố trên cổng dữ liệu quốc gia, cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng tại địa chỉ <https://csdlhdx.gov.vn> bao gồm các dữ liệu sau:

a) Dữ liệu mở về quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại mục I và mục II của Phụ lục II Thông tư này;

b) Dữ liệu mở về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng tại mục A.I, A.II.4 và A.II.5, tại mục B.I, B.II.2 đến B.II.5, tại mục C.I, C.II.1 và C.II.2 Bảng số 01 Phụ lục III Thông tư này;

c) Dữ liệu mở về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng tại mục C.I, C.II.1 và C.II.2 Bảng số 02 Phụ lục III Thông tư này;

d) Dữ liệu mở về công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng, không yêu cầu cấp giấy phép xây dựng, chỉ yêu cầu thông báo khởi công xây dựng công trình tại mục 1 đến mục 3 và mục 5 Bảng số 03 Phụ lục III Thông tư này.

9. Việc khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Dữ liệu, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu, Nghị định số 111/2024/NĐ-CP và pháp luật khác có liên quan.

10. Việc khai thác và sử dụng thông tin không phải dữ liệu mở quy định tại khoản 7 Điều này được Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng cung cấp trực tuyến qua Cổng thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng. Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng được ủy quyền cho đơn vị trực thuộc cung cấp thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định. Cụ thể như sau:

a) Tổ chức, cá nhân có văn bản yêu cầu cung cấp, khai thác thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

b) Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng phải nêu rõ mục đích, phạm vi thông tin cần cung cấp, khai thác và cam đoan chịu trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin đúng mục đích và quy định của pháp luật khi được cung cấp;

c) Trường hợp đồng ý cung cấp thông tin, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, đơn vị được phân cấp, ủy quyền có văn bản đồng ý theo nội dung đề nghị;

d) Trường hợp không đồng ý cung cấp thông tin thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

đ) Mẫu văn bản đề nghị cung cấp, khai thác thông tin và mẫu văn bản cung cấp thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục VI Thông tư này.

11 Phí khai thác và sử dụng thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng tại khoản 10 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí và pháp luật khác có liên quan.

12 Một số ví dụ minh họa về mã số thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn, mã số thông tin về dự án đầu tư xây dựng theo hướng dẫn tại Phụ lục VII Thông tư này.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2025.
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.
3. Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Vụ Quy hoạch - Kiến trúc, Trung tâm Công nghệ thông tin của Bộ Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Thông tư này. / *ph*

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu trực thuộc tỉnh, thành phố;
- Website của Chính phủ;
- Công báo (02 bản);
- Các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, Cục KTQLXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Xuân Dũng

Phụ lục I

Ký hiệu mã tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi thực hiện quy hoạch,
đầu tư xây dựng/công trình xây dựng*



Bảng mã kèm theo Thông tư số 24./2025/TT-BXD

ngày tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã
1	Thành phố Hà Nội	01
2	Tỉnh Cao Bằng	04
3	Tỉnh Tuyên Quang	08
4	Tỉnh Điện Biên	11
5	Tỉnh Lai Châu	12
6	Tỉnh Sơn La	14
7	Tỉnh Lào Cai	15
8	Tỉnh Thái Nguyên	19
9	Tỉnh Lạng Sơn	20
10	Tỉnh Quảng Ninh	22
11	Tỉnh Bắc Ninh	24
12	Tỉnh Phú Thọ	25
13	Thành phố Hải Phòng	31
14	Tỉnh Hưng Yên	33
15	Tỉnh Ninh Bình	37
16	Tỉnh Thanh Hóa	38
17	Tỉnh Nghệ An	40
18	Tỉnh Hà Tĩnh	42
19	Tỉnh Quảng Trị	44
20	Thành phố Huế	46
21	Thành phố Đà Nẵng	48
22	Tỉnh Quảng Ngãi	51
23	Tỉnh Gia Lai	52
24	Tỉnh Khánh Hòa	56
25	Tỉnh Đắk Lắk	66
26	Tỉnh Lâm Đồng	68
27	Tỉnh Đồng Nai	75
28	Thành phố Hồ Chí Minh	79
29	Tỉnh Tây Ninh	80
30	Tỉnh Đồng Tháp	82
31	Tỉnh Vĩnh Long	86
32	Tỉnh An Giang	91
33	Thành phố Cần Thơ	92
34	Tỉnh Cà Mau	96
35	Liên tỉnh	00

(*): Trong quá trình thực hiện, Bảng mã này được cập nhật, điều chỉnh theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam.

Phụ lục II
Phụ lục về quy hoạch đô thị và nông thôn
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24./2025/TT-BXD
ngày 21/08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn		Quy định về nhập thông tin
I	Thông tin chung		Để khởi tạo Mã số thông tin theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP
1	Tên quy hoạch	[Nhập thông tin]	- Cơ quan thẩm định quy hoạch phối hợp với cơ quan lập quy hoạch để cập nhật nội dung về thông tin chung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP. - Dữ liệu mở bao gồm dữ liệu tại mục I và II.
2	Loại quy hoạch	[Chọn loại quy hoạch]	
3	Cấp độ quy hoạch	[Chọn cấp độ quy hoạch]	
4	Loại điều chỉnh quy hoạch	[Chọn loại điều chỉnh quy hoạch]	
5	Địa điểm quy hoạch (nơi quy hoạch được lập)	[Chọn tỉnh/thành phố, xã/phường hoặc nhập thông tin địa điểm quy hoạch đối với quy hoạch liên phường, liên xã]	
6	Quy mô, diện tích lập quy hoạch	[Nhập thông tin (theo hecta)]	
7	Số quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (đối với các quy hoạch có yêu cầu phải lập nhiệm vụ quy hoạch)	[Số quyết định]	
8	Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch (đối với các quy hoạch có yêu cầu phải lập nhiệm vụ quy hoạch)	[Nhập thông tin hoặc Mã đăng ký kinh doanh (nếu có)]	
9	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch	[Nhập thông tin hoặc Mã đăng ký kinh doanh (nếu có)]	
10	Cơ quan thẩm định quy hoạch	[Nhập thông tin]	
11	Cơ quan phê duyệt quy hoạch	[Nhập thông tin]	
II	Thông tin chi tiết		Cơ quan tổ chức lập quy hoạch cập nhật nội dung thông tin chi tiết vào hệ thống Cơ sở dữ liệu theo quy định tại điểm b khoản 5 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP
1	Quy mô dân số dự báo	[Nhập thông tin]	
2	Thời hạn quy hoạch	[Nhập thông tin]	
3	Quy định quản lý theo quy hoạch	[Nhập file hồ sơ đã được chứng thực điện tử và file dữ liệu điện tử của hồ sơ]	

STT	Thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn		Quy định về nhập thông tin
		<i>theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn]</i>	
4	Kế hoạch thực hiện quy hoạch chung	<i>[Đính kèm file được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	
5	Quy chế quản lý kiến trúc trong phạm vi lập quy hoạch (nếu có)	<i>[Nhập file hồ sơ đã được chứng thực điện tử và file dữ liệu điện tử của quy chế quản lý kiến trúc]</i>	
6	Thông tin liên quan khác (nếu có)		
6.1	Các nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch có liên quan	<i>[Nhập mã thông tin của quy hoạch cấp trên, cấp dưới có liên quan]</i>	
6.2	Chủ nhiệm lập quy hoạch	<i>Nhập thông tin mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hoặc căn cước công dân (đối với trường hợp không có chứng chỉ hành nghề) (Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân)</i>	
6.3	Danh sách chủ trì các bộ môn thiết kế quy hoạch	<i>Nhập thông tin mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hoặc căn cước công dân (đối với trường hợp không có chứng chỉ hành nghề) (Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân)</i>	
6.4	Thông tin khác (nếu có)		
III	Hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị riêng chi tiết		
1	Cơ sở dữ liệu số cơ bản	<i>[các tệp tin (file) bản vẽ và văn bản được in ấn thành một phần của hồ sơ bản giấy không bao gồm các văn bản, tài liệu liên quan theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi</i>	

STT	Thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn		Quy định về nhập thông tin
		<i>tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn]</i>	
2	Cơ sở dữ liệu số pháp lý	<i>[Các tệp tin (file) được số hóa, quét (scan) từ hồ sơ bằng bản giấy hoặc chứng thực điện tử theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn]</i>	
3	Cơ sở dữ liệu số địa lý (GIS) quy hoạch (đối với các quy hoạch được phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn)	<i>[Các tệp tin (file) được chuyển đổi thành dữ liệu địa lý từ cơ sở dữ liệu gốc theo quy định tại Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn]</i>	



PHỤ LỤC III

Dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng
phụ lục kèm theo Thông tư số 24./2025/TT-BXD
ngày 22 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Bảng số 01	Dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng
Bảng số 02	Dữ liệu về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng
Bảng số 03	Dữ liệu về công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; không phải cấp giấy phép xây dựng; chỉ thông báo khởi công xây dựng công trình

Phụ lục III - Bảng số 01

Dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mở
A	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng <i>(Cơ quan chuyên môn về xây dựng khởi tạo mã số thông tin khi có kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP)</i>		
I	Dữ liệu chung		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính theo phân cấp nhập dữ liệu chung khi khởi tạo Mã số thông tin theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP
1	Tên dự án đầu tư xây dựng:	[Nhập dữ liệu]	- Nhập nội dung dữ liệu chung về dự án đầu tư xây dựng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP. - Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp phải nhập dữ liệu ngay khi có kết quả thẩm định (khởi tạo mã số thông tin) làm cơ sở điền mã số thông tin dự án vào thông báo kết quả thẩm định (theo mẫu thông báo kết quả thẩm định quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ- CP).
2	Nhóm dự án:	Chọn trong các ô: Nhóm A/B/C	
3	Địa điểm xây dựng:	[Chọn tỉnh/thành phố, xã/phường/đặc khu]	
4	Người quyết định đầu tư:	[Nhập tên Người quyết định đầu tư]	
5	Chủ đầu tư:	[Nhập tên Chủ đầu tư]	
6	Mục tiêu đầu tư:	[Nhập dữ liệu] theo quy định pháp luật về đầu tư và pháp luật khác có liên quan	
7	Quy mô đầu tư	[Nhập dữ liệu] (quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu theo quy định pháp luật về đầu tư công, đầu tư, xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản, đường bộ, đường sắt và pháp luật khác có liên quan)*	
II	Dữ liệu chi tiết		Chủ đầu tư cập nhật nhập dữ liệu chi tiết quy định tại điểm b khoản 6 Điều 10 Nghị định

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mở
			số 111/2024/NĐ-CP
1	Văn bản về chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file được ký số hoặc được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]	- Nhập nội dung dữ liệu chi tiết quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP - Chủ đầu tư phải nhập dữ liệu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định (theo quy định tại điểm b khoản 6 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP). - Dữ liệu mở bao gồm dữ liệu quy định tại mục A. I, A. II.4 và A.II.5.
2	Quyết định phê duyệt quy hoạch hoặc quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác được sử dụng làm cơ sở lập dự án đầu tư xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file được ký số hoặc được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]	
3	Kết quả thực hiện thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường		
3.1	Kết quả thực hiện thủ tục về phòng cháy chữa cháy (nếu có theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy)	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file được ký số hoặc được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]Liên kết với dữ liệu, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền về PCCC (nếu có)	
3.2	Kết quả thực hiện thủ tục về môi trường	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file được ký số hoặc được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính] Liên kết với dữ liệu, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường (nếu có)	
4	Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file được ký số hoặc được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính của văn bản, tệp tin mô hình BIM (nếu có)]	
5	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file được ký số hoặc được chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]	
6	Dữ liệu về các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập báo cáo	Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân; Hệ thống dữ liệu quốc gia về đăng ký	

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mới
	nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án	doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (nếu có)	
6.1	Nhà thầu khảo sát xây dựng	[Nhập Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức]	
6.2	Chủ nhiệm khảo sát xây dựng	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.3	Nhà thầu tư vấn thiết kế	[Nhập Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức]	
6.4	Chủ nhiệm thiết kế	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.5	Danh mục chủ trì các bộ môn thiết kế	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.6	Nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có)	[Nhập Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức]	
6.7	Chủ nhiệm thẩm tra thiết kế	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.8	Danh mục chủ trì thẩm tra các bộ môn thiết kế	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.9	Nhà thầu thẩm tra an toàn giao thông (nếu có)	[Nhập Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức]	
7	Hồ sơ, văn bản có liên quan khác		
7.1	Mã dữ liệu quy hoạch có liên quan làm cơ sở lập dự án (nếu có)	[Nhập các mã dữ liệu quy hoạch có liên quan quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết,...] (nếu có) hoặc liên kết với hệ thống thông tin về quy hoạch	
7.2	Loại dự án đầu tư xây dựng	Chọn trong các ô: Dân dụng/Công nghiệp/Hạ tầng kỹ thuật/Giao thông/Nông nghiệp phát triển nông thôn/Hỗ trợ	
7.3	Cấp công trình cao nhất thuộc dự án	Chọn trong các ô: Cấp đặc biệt/I/II/III/IV	
7.4	Giá trị tổng mức đầu tư dự án	... tỷ đồng, trong đó nhập dữ liệu về: - Chi phí xây dựng ... tỷ đồng;	

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mới
		- Chi phí thiết bị ... tỷ đồng.	
7.5	Nguồn vốn đầu tư	Chọn trong các ô: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP.	
7.6	Thời gian thực hiện dự án:	[Chọn từ ngày/tháng/năm] đến [Chọn ngày/tháng/năm]	
7.7	Hình thức tổ chức quản lý dự án	Chọn trong các ô: Ban QLDAĐTXD chuyên ngành/Ban QLDAĐTXD khu vực/Ban QLDAĐTXD một dự án/Chủ đầu tư sử dụng bộ máy chuyên môn trực thuộc để quản lý dự án/tổ chức tư vấn quản lý dự án	
7.8	Giải thưởng kiến trúc (giải thưởng được UBND cấp tỉnh, cấp bộ, cơ quan trung ương, chính phủ tổ chức)	[Nhập số:., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản] Nhập kết quả giải thưởng:	
7.9	Dữ liệu về loại hình bất động sản	Chọn các ô: - Nhà ở riêng lẻ/nhà ở thương mại/nhà ở công vụ/ Nhà ở phục vụ tái định cư/ Nhà ở xã hội/ Nhà lưu trú công nhân/ Nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân - Công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích giáo dục/y tế/thể thao/văn hóa/văn phòng/ thương mại, dịch vụ/du lịch/lưu trú/công nghiệp và công trình xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp - Các loại công trình xây dựng khác theo quy định của pháp luật về xây dựng, kinh doanh bất động sản, nhà ở và pháp luật khác có liên quan	
8	Dữ liệu khác (nếu có)		
B	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với trường hợp công trình xây dựng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng (Cơ quan chuyên môn về xây dựng khởi tạo mã số thông tin khi có kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP)		
I	Dữ liệu chung		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính theo phân cấp nhập dữ liệu chung khi khởi tạo Mã số thông tin theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 10

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mới
			Nghị định số 111/2024/NĐ-CP
1	Mã số dữ liệu dự án đầu tư xây dựng	[Nhập dữ liệu] Liên kết với mã số dữ liệu dự án đã được khởi tạo (đã thẩm định, thẩm định điều chỉnh) (nếu có)	- Nhập nội dung dữ liệu chung về công trình xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP - Cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp phải nhập dữ liệu ngay khi có kết quả thẩm định (khởi tạo mã số thông tin) làm cơ sở điền mã số thông tin công trình vào thông báo kết quả thẩm định (theo mẫu thông báo kết quả thẩm định quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).
2	Tên công trình	[Nhập dữ liệu tên công trình]	
3	Loại công trình	[Chọn loại công trình] theo Phụ lục I thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 (1.1.1.1 Nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm; 1.2.1.2 Nhà máy sản xuất clinker, xi măng; 1.4.1.1 Đường ô tô cao tốc; 1.4.6.1 Nhà ga hàng không (Nhà ga chính);...)]	
4	Cấp công trình	[Chọn cấp công trình] (Đặc biệt, I, II, III, IV]	
5	Địa điểm xây dựng	[Chọn tỉnh/thành phố, xã/phường/đặc khu]/hoặc trích xuất từ dữ liệu dự án đã liên kết (nếu có)]	
6	Chủ đầu tư	[Nhập dữ liệu]/hoặc trích xuất từ dữ liệu dự án đã liên kết (nếu có)	
7	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	[Nhập dữ liệu]	
II	Dữ liệu chi tiết		Chủ đầu tư cập nhật nhập dữ liệu chi tiết quy định tại điểm b khoản 6 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP
1	Kết quả thực hiện thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường		- Nhập nội dung dữ liệu chi tiết quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP - Chủ đầu tư phải nhập dữ liệu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định (theo quy định tại điểm b khoản 6
1.1	Kết quả thực hiện thủ tục về phòng cháy chữa cháy (nếu có theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy)	[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính] Liên kết với dữ liệu, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền về PCCC (nếu có)	
1.2	Kết quả thực hiện thủ tục về môi trường	[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản]	

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mở
		<i>[Đính kèm file được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i> Liên kết với dữ liệu, dữ liệu của cơ quan có thẩm quyền về bảo vệ môi trường (nếu có)	Nghị định số 111/2024/NĐ-CP) - Dữ liệu mở bao gồm dữ liệu tại mục B.I, mục B.II.2 đến B.II.5.
2	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản]</i> <i>[Đính kèm file được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i> Liên kết với mã số dữ liệu dự án đã được khởi tạo (nếu có)	
3	Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản]</i> <i>[Đính kèm file được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	
4	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản]</i> <i>[Đính kèm file được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i> Liên kết với mã số dữ liệu dự án đã được khởi tạo (nếu có)	
5	Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản]</i> <i>[Đính kèm file được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	
6	Dữ liệu về các tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thi công xây dựng công trình	<i>[Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân Hệ thống dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (nếu có)]</i> + [Nhập Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức] + [Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.1	Nhà thầu khảo sát xây dựng	+ [Nhập Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức khảo sát]	
6.2	Chủ nhiệm khảo sát xây dựng	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mới
6.3	Nhà thầu tư vấn thiết kế	+ [Nhập Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức)	
6.4	Chủ nhiệm thiết kế	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.5	Danh mục chủ trì các bộ môn thiết kế	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.6	Nhà thầu thẩm tra thiết kế (nếu có)	+ [Nhập hoặc liên kết Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức)	
6.7	Chủ nhiệm thẩm tra thiết kế	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.8	Danh mục chủ trì thẩm tra các bộ môn thiết kế	[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
6.9	Nhà thầu thẩm tra an toàn giao thông (nếu có)	[Nhập hoặc liên kết Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức]	
7	Hồ sơ, văn bản có liên quan khác		
C	Cấp giấy phép xây dựng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy phép xây dựng khởi tạo mã số thông tin khi cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP)		
I	Dữ liệu chung		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính theo phân cấp nhập dữ liệu chung khi khởi tạo Mã số thông tin theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP
1	Tên công trình xây dựng:	[Nhập dữ liệu]	- Nhập nội dung dữ liệu chung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP.
2	Loại, cấp công trình	[Chọn loại, cấp công trình]	
3	Địa điểm xây dựng	[Chọn tỉnh/thành phố, xã/phường/đặc khu]/hoặc trích xuất từ dữ liệu dự án đã liên kết (nếu có)	

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mới
4	Chủ đầu tư	[Nhập dữ liệu tên chủ đầu tư]/hoặc trích xuất từ dữ liệu dự án đã liên kết (nếu có)	- Cơ quan thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng theo phân cấp phải nhập dữ liệu ngay khi có Giấy phép xây dựng (khởi tạo mã số thông tin) làm cơ sở điền mã số thông tin công trình vào Giấy phép xây dựng (theo mẫu Giấy phép xây dựng quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).
5	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	[Nhập dữ liệu] ¹	
II	Dữ liệu chi tiết		
1	Giấy phép xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file Văn bản Giấy phép xây dựng được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]	- Chủ đầu tư phải nhập nội dung dữ liệu từ mục C.II.1 đến C.II.5.2 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định (theo quy định tại điểm b khoản 6 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP) - Đối với các nội dung dữ liệu còn lại (từ mục C.II.5.3 đến C.II.5.18), chủ đầu tư (nhập dữ liệu từ điểm C.II.5.3 đến C.II.5.12), các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan có trách nhiệm nhập, cập nhật dữ liệu còn lại trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi các công việc tương
2	Thông báo khởi công công trình xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., tổ chức/cá nhân ban hành văn bản] Nhập dữ liệu chủ yếu theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và file thông báo khởi công	
3	Giấy tờ hợp pháp về đất đai	[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file Giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 175/2024] hoặc liên kết với dữ liệu về đất đai (nếu có)	
4	Dữ liệu về tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập, thẩm tra thiết kế, thi công xây dựng công trình, chỉ huy trưởng của nhà thầu thi công xây dựng công trình (nếu có)	[Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân Hệ thống dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (nếu có)] + [Nhập hoặc liên kết Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức]	

¹ Dữ liệu quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu theo giấy phép xây dựng được cấp.

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mở
		+ [Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	<i>ứng tại Bảng này hoàn thành theo quy định của pháp luật có liên quan.</i> <i>- Dữ liệu mở bao gồm dữ liệu tại mục C.I, mục C.II.1 và C.II.2.</i>
5	Hồ sơ, văn bản có liên quan khác (nếu có)		
5.1	Dữ liệu về nhà thầu tư vấn giám sát, giám sát trưởng của đơn vị tư vấn giám sát; tư vấn quản lý dự án (nếu có)	<i>[Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân Hệ thống dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (nếu có)]</i> + [Nhập hoặc liên kết Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức] + [Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
5.2	Giấy phép môi trường/kế hoạch an toàn về môi trường	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản]</i> <i>(liên kết với hệ thống dữ liệu chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)</i>	
5.3	Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông giai đoạn trước khi đưa công trình đường bộ vào khai thác (nếu có)	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan/đơn vị ban hành văn bản]</i> <i>[Đính kèm tệp tin đã được số hóa của Báo cáo thẩm tra an toàn giao thông]</i>	
5.4	Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản]</i> <i>[Đính kèm file Văn bản được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	
5.5	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản]</i> <i>[Đính kèm tệp tin đã được số hóa của thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu]</i>	
5.6	Dữ liệu về tổ chức kiểm định công trình được cấp giấy phép xây dựng (nếu có)	<i>[Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân Hệ thống dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (nếu có)]</i>	

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mới
		+ [Nhập hoặc liên kết Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức] + [Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
5.7	Bản vẽ hoàn công	<i>[nhập ngày ... tháng năm hoàn công]</i> <i>[Đính kèm file bản vẽ có các thông số chủ yếu được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	
5.8	Quyết định phê duyệt quyết toán vốn đầu tư xây dựng (chỉ áp dụng với dự án sử dụng vốn đầu tư công/nhà nước ngoài đầu tư công/dự án PPP)	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm....., đơn vị/cơ quan quyết toán]</i> - Giá trị quyết toán được duyệt: + Giá trị xây lắp: + Giá trị thiết bị: <i>(Nhập dữ liệu/tích hợp từ hệ thống khác có liên quan nếu có)</i>	
5.9	Các giải thưởng đối với công trình (nếu có)	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan/đơn vị ban hành văn bản]</i> <i>[Nhập giải thưởng đạt được, loại giải thưởng]</i> <i>(Giải thưởng chất lượng công trình xây dựng; giải thưởng kiến trúc; giải thưởng công trình xây dựng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên, bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường²)</i>	
5.10	Bảng tiến độ thực hiện dự án theo quy định**	Upload file bảng tổng hợp tiến độ chi tiết thực hiện dự án được phê duyệt	
5.11	Khối lượng hoàn thành theo thời gian thực tế**	Nhập dữ liệu hoặc tích hợp dữ liệu từ GIS-BIM (nếu có)	
5.12	Giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành** (chỉ áp dụng với dự án sử dụng vốn đầu tư công/nhà nước ngoài đầu tư công/dự án PPP)	Nhập dữ liệu/tích hợp từ hệ thống khác có liên quan (nếu có)	
5.13	Vi phạm hành chính về xây dựng***	Nhập dữ liệu về lỗi vi phạm hành chính về xây dựng/tích hợp từ hệ thống khác có liên quan	Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm được

² Được Bộ Xây dựng, các tổ chức có uy tín trong nước và quốc tế đánh giá, trao giải thưởng cho công trình này.

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập, cập nhật dữ liệu, dữ liệu mở
			<i>cung cấp account để nhập dữ liệu</i>
5.14	Sự cố công trình xây dựng trong quá trình thi công và khai thác, vận hành***	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản]</i> - Báo cáo sự cố công trình: - Chọn trong các ô dữ liệu sự cố: Cấp I/II/III - Kết quả giám định sự cố (nếu có): <i>[Đính kèm file Văn bản được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	<i>UBND cấp xã được cung cấp account để nhập, cập nhật dữ liệu</i>
5.15	Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng***	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm....., cơ quan ban hành văn bản]</i> - Báo cáo sự cố công trình: - Chọn trong các ô dữ liệu sự cố về: Máy/thiết bị/tai nạn lao động <i>[Đính kèm file Văn bản được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	<i>UBND cấp xã được cung cấp account để nhập, cập nhật dữ liệu</i>
5.16	Lịch sử bảo hành, bảo trì công trình xây dựng*** (nếu có)	- Kết quả các lần kiểm định, đánh giá an toàn công trình: - Dữ liệu tổ chức đánh giá an toàn sự cố: <i>[Đính kèm file Văn bản được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	<i>Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản được cung cấp account để nhập, cập nhật dữ liệu</i>
5.18	Dữ liệu khác (nếu có)		
D	Miễn giấy phép xây dựng		<i>Chủ đầu tư/người được chủ đầu tư ủy quyền theo quy định của pháp luật nhập dữ liệu chung, dữ liệu chi tiết như mục C Bảng này (trừ giấy phép xây dựng)</i>

Ghi chú:

(*): Về quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu, đối với dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng cần nhập dữ liệu chủ yếu như sau:

(i) Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng, cần nhập dữ liệu: Loại dự án đầu tư xây dựng công trình (nhà ở/công cộng/giáo dục/đào tạo/nghiên cứu/y tế/thể thao/văn hóa/tôn giáo/tín ngưỡng/thương mại, dịch vụ/trụ sở, văn phòng làm việc/phục vụ dân sinh khác/...; tổng diện tích đất lập dự án, diện tích xây dựng, tổng diện tích sàn, số tầng cao (từ ... đến ... tầng).

(ii) Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông vận tải đường bộ, cần nhập dữ liệu như sau:

- Dữ liệu về đường bộ, bao gồm: Bề rộng nền; bề rộng mặt; chiều dài; số làn xe; kết cấu mặt đường; vận tốc thiết kế/cấp đường;

- Dữ liệu về cầu, bao gồm: Bề rộng, chiều dài; sơ đồ nhịp; kết cấu nhịp; kết cấu móng/trụ, móng;

- Dữ liệu về hầm, bao gồm: Bề rộng, chiều dài, kết cấu hầm; số ống hầm; số làn; kết cấu mặt đường trong hầm.

(iii) Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về dự án đầu tư xây dựng công trình đường sắt, cần nhập dữ liệu: Loại công trình đường sắt; hướng tuyến, tốc độ thiết kế, khổ đường sắt, tải trọng trục, chiều dài tuyến, số lượng ga; loại kết cấu chính trên tuyến (kết cấu cầu, chiều dài tuyến; kết cấu hầm, chiều dài tuyến; kết cấu nền đất, chiều dài tuyến).

(iv) Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, cần nhập dữ liệu về công suất hoặc dữ liệu về kích thước, diện tích, dung tích.

(v) Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về phát triển đô thị, cần nhập dữ liệu về công trình hạ tầng xã hội như: y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao,... được phân loại chi tiết theo cấp độ quốc tế/quốc gia/vùng/cấp đô thị và cấp đơn vị ở.

(vi) Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về nhà ở và kinh doanh bất động sản cần nhập dữ liệu: tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở/nhà ở công vụ/nhà ở xã hội/nhà lưu trú công nhân, tổng số căn hộ nhà ở/nhà ở công vụ/nhà ở xã hội/nhà lưu trú công nhân/nhà ở sinh viên; tổng số căn nhà ở liên kế, tổng diện tích sàn nhà ở liên kế; tổng số căn nhà ở biệt thự, tổng diện tích sàn nhà ở biệt thự; tổng diện tích sàn công trình khách sạn/loại hình du lịch, nghỉ dưỡng khác, tổng số phòng nghỉ.

(vii) Đối với các lĩnh vực quản lý nhà nước về các dự án đầu tư xây dựng công trình khác, nhập dữ liệu về quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu theo quy định quản lý của ngành, lĩnh vực có liên quan.

(**): Chủ đầu tư/tổ chức, cá nhân được ủy quyền của Chủ đầu tư nhập, cập nhật dữ liệu về tiến độ thực hiện dự án, khối lượng nghiệm thu hoàn thành, giá trị thanh toán khối lượng hoàn thành, quyết toán vốn đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật (liên kết với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về thanh toán, quyết toán của Bộ Tài chính). Chủ đầu tư có trách nhiệm nhập dữ liệu trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi các công việc đã nêu hoàn thành theo quy định của pháp luật có liên quan, bảo đảm đáp ứng kịp thời theo yêu cầu báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ, Ngành, UBND cấp tỉnh, UBND cấp xã và các cấp có thẩm quyền khác có liên quan.

(***): Liên kết với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng, báo cáo sự cố công trình xây dựng trong quá trình thi công và khai thác, vận hành, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng; lịch sử bảo hành, bảo trì công trình xây dựng (nếu có); khi bảo đảm điều kiện công nghệ, trình tự thủ tục toàn trình, các thành phần dữ liệu này sẽ được tự động nhập, cập nhật.

Phụ lục III - Bảng số 02

**Dữ liệu về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng,
chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng**

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập dữ liệu
Cấp giấy phép xây dựng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cấp giấy phép xây dựng khởi tạo mã số thông tin khi cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP)			
I	Dữ liệu chung		Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính theo phân cấp nhập dữ liệu chung khi khởi tạo Mã số thông tin theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ- CP
1	Tên công trình xây dựng:	[Nhập dữ liệu]	- Nhập nội dung dữ liệu chung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 7 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP. - Cơ quan thực hiện thủ tục cấp Giấy phép xây dựng theo phân cấp phải nhập dữ liệu ngay khi có Giấy phép xây dựng (khởi tạo mã số thông tin) làm cơ sở điền mã số thông tin công trình vào Giấy phép xây dựng (theo mẫu Giấy phép xây dựng quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP).
2	Loại, cấp công trình	[Chọn cấp công trình] (Đặc biệt, I, II, III, IV)	
3	Địa điểm xây dựng	[Chọn tỉnh/thành phố, xã/phường/đặc khu]/hoặc trích xuất từ dữ liệu dự án đã liên kết (nếu có)	
4	Chủ đầu tư (Chủ hộ gia đình)	[Nhập dữ liệu tên chủ hộ]	
5	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	[Nhập dữ liệu] ³	
II	Dữ liệu chi tiết		Chủ đầu tư cập nhật dữ liệu chi tiết theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 10 Nghị định số 111/2024/NĐ- CP
1	Giấy phép xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm..., cơ quan ban hành văn bản] [Đính kèm file Văn bản Giấy phép xây dựng được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]	- Chủ đầu tư phải nhập nội dung dữ liệu từ mục II.1 đến C.II.4 trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thẩm định (theo quy định tại điểm b khoản 6 Nghị định số 111/2024/NĐ-CP) - Dữ liệu mở bao gồm dữ liệu tại mục C.I, mục C.II.1 và C.II.2.
2	Thông báo khởi công công trình xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm..., cơ quan ban hành văn bản] Nhập dữ liệu chủ yếu theo Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và file thông báo khởi công	
3	Giấy tờ hợp pháp về đất đai	[Nhập số:..., ngày tháng năm..., cơ quan ban hành văn bản]	

³ Dữ liệu chủ yếu được lấy theo giấy phép xây dựng được cấp đối với đối tượng phải cấp giấy phép xây dựng;

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập dữ liệu
		<i>[Đính kèm file Giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 175/2024] hoặc liên kết với dữ liệu về đất đai (nếu có)</i>	
4	Dữ liệu về tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập, thẩm tra thiết kế (nếu có)	<i>[Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân Hệ thống dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (nếu có)]</i> + <i>[Nhập hoặc liên kết Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức]</i> + <i>[Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]</i>	
5	Vi phạm hành chính về xây dựng*	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm..., cơ quan ban hành văn bản]</i> <i>Nhập dữ liệu về lỗi vi phạm hành chính về xây dựng/tích hợp từ hệ thống khác có liên quan</i>	<i>Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm, giải quyết sự cố công trình xây dựng có trách nhiệm nhập, cập nhật dữ liệu trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi các công việc tương ứng tại Bảng này hoàn thành (nếu có)</i>
6	Sự cố công trình xây dựng trong quá trình thi công và khai thác, vận hành*	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm..., cơ quan ban hành văn bản]</i> - <i>Báo cáo sự cố công trình:</i> - <i>Chọn trong các ô dữ liệu sự cố: Cấp I/II/III</i> - <i>Kết quả giám định sự cố (nếu có):</i> <i>[Đính kèm file Văn bản được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	
7	Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng*	<i>[Nhập số:..., ngày tháng năm..., cơ quan ban hành văn bản]</i> - <i>Chọn trong các ô dữ liệu sự cố về: Máy/thiết bị/tai nạn lao động.</i> <i>[Đính kèm file Văn bản được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]</i>	

Ghi chú:

(*): Liên kết với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng, báo cáo sự cố công trình xây dựng trong quá trình thi công và khai thác, vận hành, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng (nếu có); khi bảo đảm điều kiện công nghệ, trình tự thủ tục toàn trình, các thành phần dữ liệu này sẽ được tự động nhập, cập nhật.

Phụ lục III - Bảng số 03

Dữ liệu về công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; không phải cấp giấy phép xây dựng; chỉ thông báo khởi công xây dựng công trình

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập dữ liệu
1	Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng	[Nhập dữ liệu]	- Chủ đầu tư/Chủ hộ được cung cấp account để nhập thông tin từ mục 1 đến mục 7 trước khi gửi thông báo khởi công xây dựng công trình đến cơ quan có thẩm quyền. - Dữ liệu mở bao gồm dữ liệu tại mục 1 đến mục 3 và mục 5.
2	Địa điểm xây dựng	[Chọn tỉnh/thành phố, xã/phường/đặc khu]/hoặc trích xuất từ dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn + dữ liệu quy hoạch sử dụng đất (nếu có)	
3	Chủ đầu tư/chủ hộ	[Nhập dữ liệu tên chủ hộ]	
4	Số điện thoại liên lạc	[Nhập số điện thoại của Chủ đầu tư/chủ hộ]	
5	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	[Nhập dữ liệu: Diện tích ô đất; diện tích xây dựng; số tầng hầm + tầng cao; chiều cao công trình; tổng diện tích sàn xây dựng; cốt sàn tầng 1 (tầng trệt) so với cốt vỉa hè/đường nội bộ]	
6	Dữ liệu về tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, lập, thẩm tra thiết kế (nếu có)	[Liên kết với cơ sở dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân Hệ thống dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (nếu có)] + [Nhập hoặc liên kết Mã đăng ký kinh doanh của tổ chức] + [Nhập Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hoặc căn cước công dân (trường hợp không có Mã số hành nghề hoạt động xây dựng)]	
7	Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến)	[Nhập dữ liệu]	

STT	Nội dung nhập, cập nhật dữ liệu về công trình xây dựng		Ghi chú quy định về nhập dữ liệu
8	Vi phạm hành chính về xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản] Nhập dữ liệu về lỗi vi phạm hành chính về xây dựng/tích hợp từ hệ thống khác có liên quan	Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm, giải quyết sự cố công trình xây dựng có trách nhiệm nhập, cập nhật dữ liệu trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ khi các công việc tương ứng tại Bảng này hoàn thành.
9	Sự cố công trình xây dựng trong quá trình thi công và khai thác, vận hành	[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản] - Báo cáo sự cố công trình: - Chọn trong các ô dữ liệu sự cố: Cấp I/II/III - Kết quả giám định sự cố (nếu có): [Đính kèm file Văn bản được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]	
10	Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	[Nhập số:..., ngày tháng năm...., cơ quan ban hành văn bản] - Báo cáo sự cố công trình: - Chọn trong các ô dữ liệu sự cố về: Máy/thiết bị/tai nạn lao động. [Đính kèm file Văn bản được ký số hoặc Chứng thực bản sao điện tử từ bản chính]	



Phụ lục IV
Một số ví dụ minh họa về các bảng tổng hợp dữ liệu, thông tin về hoạt động xây dựng*

*Bảng số kèm theo Thông tư số 24./2025/TT-BXD
ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Bảng số 01	Tổng hợp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn
Bảng số 02	Tổng hợp thông tin về tỷ lệ lập quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc
Bảng số 03	Tổng hợp dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/dự án PPP/vốn khác
Bảng số 04	Tổng hợp dữ liệu về giấy phép xây dựng, khởi công xây dựng, sự cố công trình, vi phạm trật tự xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu
Bảng số 05	Tổng hợp dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu đã tham gia hoạt động xây dựng
Bảng số 06	Tổng hợp dữ liệu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân đã tham gia hoạt động xây dựng
Bảng số 07	Tổng hợp dữ liệu về lịch sử hoạt động của nhà thầu đã tham gia hoạt động xây dựng
Bảng số 08	Bảng dữ liệu thực tế về tình hình thực hiện của từng dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh; các dự án thuộc quản lý của Bộ, Cơ quan ngang bộ, Ngành và trên toàn quốc
Bảng số 09	Bảng tổng hợp dữ liệu thực tế về tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh; các dự án thuộc quản lý của Bộ, Cơ quan ngang bộ, Ngành và trên toàn quốc
Bảng số 10	Bảng dữ liệu thực tế về tình hình thực hiện của từng dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc
Bảng số 11	Bảng tổng hợp dữ liệu thực tế về tình hình thực hiện của tổng thể các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc
Bảng số 12	Bảng tổng hợp dữ liệu về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc
Bảng số 13	Bảng tổng hợp dữ liệu về công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; không phải cấp giấy phép xây dựng tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc
Bảng số 14	Bảng tổng hợp dữ liệu của địa phương về tình hình công trình mới được khởi công; đang được thi công xây dựng; đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và số công trình được kiểm tra, đánh giá chất lượng tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc
Bảng số 15	Một số ví dụ minh họa thông tin về hoạt động xây dựng

(*): Thông tin tại các bảng tổng hợp dữ liệu, thông tin về hoạt động xây dựng tại Phụ lục này có thể trích xuất theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và các yêu cầu khác có liên quan.

Thông tin về các bảng tổng hợp dữ liệu, thông tin về hoạt động xây dựng được cung cấp theo lộ trình nhập, cập nhật dữ liệu; được nghiên cứu để liên tục phát triển đáp ứng yêu cầu phục vụ quản lý, quản trị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và tổ chức, cá nhân có nhu cầu hoạt động đầu tư xây dựng và các hoạt động khác có liên quan.

[illegible]

Phụ lục IV - Bảng số 02

Tổng hợp thông tin về tỷ lệ lập quy hoạch, quy chế quản lý kiến trúc

TT	Tỉnh/thành phố	Tỷ lệ lập quy hoạch chung		Tỷ lệ lập quy hoạch phân khu (Tổng diện tích lập quy hoạch phân khu/ tổng diện tích khu vực cần lập QHPK theo QHC)	Tỷ lệ lập quy hoạch chi tiết		Tỷ lệ lập quy chế quản lý kiến trúc (Tổng diện tích lập quy chế quản lý kiến trúc/tổng diện tích tự nhiên của tỉnh)
		Số lượng quy hoạch chung được lập/kế hoạch lập quy hoạch	Diện tích lập quy hoạch chung		Tổng diện tích lập quy hoạch chi tiết và quy hoạch tổng mặt bằng/tổng diện tích lập quy hoạch chung	Tổng diện tích lập thiết kế đô thị riêng/Tổng diện tích thiết kế đô thị cần lập theo kế hoạch	
1	Hà Nội						
2	Cao Bằng						
3	Tuyên Quang						
4	Điện Biên						
5	Lai Châu						
6	Sơn La						
...	...						
34	Cà Mau						
	Tổng cộng cả nước						

Phụ lục IV- Bảng số 03

Tổng hợp dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/PPP/vốn khác
(tương ứng chia theo các loại dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp/hạ tầng kỹ thuật/giao thông/phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024/NĐ-CP)

TT	Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	Tổng số Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định	Tổng giá trị tổng mức đầu tư của các dự án đã được phê duyệt	Tổng số thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định	Tổng giá trị dự toán xây dựng của các dự án đã được phê duyệt	Tổng giá trị vốn đầu tư xây dựng được quyết toán
I	Các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
1						
2						
3						
...						
...						
3321						
I	Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương					
1	Hà Nội					
2	Cao Bằng					
3	Tuyên Quang					
4	Điện Biên					
5	Lai Châu					
6	Sơn La					
...	...	...	...	...	...	...
34	Cà Mau					
II	Các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành					
1	Bộ Xây dựng					
2	Bộ Công Thương					
3	Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
	Tổng cộng cả nước					

Ghi chú: Tổng hợp dữ liệu về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng sử dụng vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/PPP/vốn khác làm cơ sở đánh giá tình hình đầu tư xây dựng từng xã, phường, đặc khu, tỉnh/thành phố, Bộ, Ngành và cả nước, thực hiện các hoạt động quản lý khác có liên quan.

Phụ lục IV - Bảng số 04

Tổng hợp dữ liệu về giấy phép xây dựng, khởi công xây dựng, sự cố công trình, vi phạm trật tự xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu

TT	Xã/phường/ đặc khu; Tỉnh/thành phố	Tổng số giấy phép xây dựng được cấp*	Tổng số công trình khởi công mới*	Tổng số sự cố công trình xây dựng	Tổng số sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	Tổng số công trình vi phạm trật tự xây dựng	Tổng số công trình đã được kiểm tra công tác nghiệm thu, chấp thuận đưa vào sử dụng*
I	Các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương						
1							
2							
...							
...							
3321							
II	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương						
1	Hà Nội						
2	Cao Bằng						
3	Tuyên Quang						
4	Điện Biên						
5	Lai Châu						
6	Sơn La						
...	...	...	...				
34	Cà Mau						
	Tổng cộng cả nước						

Ghi chú:

- Tổng số giấy phép xây dựng được cấp; tổng số công trình khởi công mới; tổng số công trình đã được kiểm tra công tác nghiệm thu, chấp thuận đưa vào sử dụng được tổng hợp tương ứng theo từng loại công trình xây dựng gồm công trình dân dụng/công nghiệp/hạ tầng kỹ thuật/giao thông/nông nghiệp và phát triển nông thôn theo Phụ lục I Nghị định số 06/2021/NĐ-CP/nhà ở riêng lẻ; tương ứng chia nhỏ đến từng cấp xã/phường/đặc khu thuộc tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

- Tổng hợp dữ liệu về giấy phép xây dựng, khởi công xây dựng, sự cố công trình, vi phạm trật tự xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu làm cơ sở đánh giá tình hình hoạt động xây dựng từng địa phương và cả nước, thực hiện các hoạt động quản lý khác có liên quan.

(*) Đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về nhà ở, kinh doanh bất động sản cần trích xuất được dữ liệu tổng hợp (đầu ra) về các loại hình bất động sản tại từng xã, phường, đặc khu, tỉnh/thành phố và trên cả nước như: tổng diện tích sàn xây dựng nhà ở/nhà ở công vụ/nhà ở xã hội/nhà lưu trú công nhân/nhà ở sinh viên, tổng số căn hộ nhà ở/nhà ở công vụ/nhà ở xã hội/nhà lưu trú công nhân/nhà ở sinh viên; tổng số căn nhà ở liên kế, tổng diện tích sàn nhà ở liên kế; tổng số căn nhà ở biệt thự, tổng diện tích sàn nhà ở biệt thự; tổng diện tích sàn công trình khách sạn/loại hình du lịch, nghỉ dưỡng khác, tổng số phòng nghỉ.

Nhà ở, công trình hỗn hợp có nhà ở/Công trình xây dựng du lịch, nghỉ dưỡng/Công trình xây dựng khác theo lĩnh vực quản lý về nhà ở và kinh doanh bất động sản.

Phụ lục IV - Bảng số 05

Tổng hợp dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu đã tham gia hoạt động xây dựng

(tương ứng chia theo lĩnh vực hoạt động xây dựng theo quy định của Nghị định số 175/2024)

TT	Tỉnh/thành phố	Số lượng tổ chức khảo sát xây dựng ⁴	Số lượng tổ chức lập thiết kế quy hoạch đô thị và nông thôn	Số lượng tổ chức thẩm tra an toàn giao thông đường bộ	Số lượng tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng ⁵	Số lượng tổ chức tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng	Số lượng tổ chức thi công xây dựng công trình ⁶	Số lượng tổ chức tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình ⁷
1	Hà Nội	- Nhóm A:... - Nhóm B:... - Nhóm C:...	- Thủ tướng phê duyệt: .. - UBND TP Hà Nội phê duyệt:.. - UBND cấp xã phê duyệt...	...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...
2	Cao Bằng	- Nhóm A:... - Nhóm B:... - Nhóm C:...	- Thủ tướng phê duyệt: .. - UBND TP Hà Nội phê duyệt:.. - UBND cấp xã phê duyệt...		- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...
...	...	...	...	...	...	...	...	...
34	Cà Mau	...	...	...	...	...	...	...
	Tổng cộng cả nước	- Nhóm A:... - Nhóm B:... - Nhóm C:...	- Thủ tướng phê duyệt: .. - UBND TP Hà Nội phê duyệt:.. - UBND cấp xã phê duyệt...	...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...	- Công trình cấp I:... - Công trình cấp II:... - Công trình cấp III:...

Ghi chú: Mục đích tổng hợp được năng lực tham gia hoạt động xây dựng theo từng lĩnh vực của tổ chức đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố, toàn quốc.

Dữ liệu của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng làm cơ sở lựa chọn nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng; thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; thực hiện các thủ tục hành chính khác có liên quan; tổng hợp về dữ liệu của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng của địa phương và cả nước; thực hiện các hoạt động quản lý khác có liên quan.

⁴ Tổng hợp dữ liệu gồm về năng lực hoạt động xây dựng: (1) Khảo sát địa hình; (2) Khảo sát địa chất công trình.

⁵ Tổng hợp dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng: (1) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng – nhà công nghiệp; (2) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; (3) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp dầu khí; (4) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng (không bao gồm các nội dung về công nghệ thuộc chuyên ngành điện), gồm: (i) Nhiệt điện, điện địa nhiệt; (ii) Điện hạt nhân; (iii) Thủy điện; (iv) Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều; (v) Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas; (vi) Đường dây và trạm biến áp; (5) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông gồm: (i) Đường bộ; (ii) Đường sắt; (iii) Cầu – hầm; (iv) Đường thủy nội địa, hàng hải; (6) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều); (7) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: (i) Cấp nước, thoát nước; (ii) Xử lý chất thải; (8) Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền, móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình; ...).

⁶ Tổng hợp dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng: (1) Thi công công tác xây dựng công trình dân dụng – nhà công nghiệp; (2) Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; (3) Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp dầu khí; (4) Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp năng lượng (không bao gồm các nội dung về công nghệ thuộc chuyên ngành điện), gồm: (i) Nhiệt điện, điện địa nhiệt; (ii) Thủy điện; (iii) Điện hạt nhân; (iv) Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều; (v) Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas; (vi) Đường dây và trạm biến áp; (5) Thi công công tác xây dựng công trình giao thông gồm: (i) Đường bộ; (ii) Đường sắt; (iii) Cầu – hầm; (iv) Đường thủy nội địa – hàng hải; (6) Thi công công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều); (7) Thi công công tác xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật gồm: (i) Cấp nước, thoát nước; (ii) Xử lý chất thải rắn; (8) Thi công công tác lắp đặt thiết bị công trình; (9) Thi công công tác xây dựng chuyên biệt (cọc; gia cố, xử lý nền, móng, kết cấu công trình; kết cấu ứng suất trước; kết cấu ứng suất trước; kết cấu bao che, mặt dựng công trình; ...).

⁷ Tổng hợp dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng: (1) Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp – hạ tầng kỹ thuật; (2) Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; (3) Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn; (4) Tư vấn giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình.

Phụ lục IV - Bảng số 06

Tổng hợp dữ liệu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân đã tham gia hoạt động xây dựng

(tương ứng chia theo lĩnh vực hành nghề hoạt động xây dựng được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của Nghị định số 175/2024)

TT	Tỉnh/thành phố	Số lượng chứng chỉ khảo sát xây dựng ⁸	Số lượng chứng chỉ thiết kế quy hoạch đô thị và nông thôn	Số lượng chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng công trình ⁹	Số lượng chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng ¹⁰	Số lượng chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng	Số lượng chứng chỉ hành nghề quản lý dự án đầu tư xây dựng
1	Hà Nội	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...
2	Cao Bằng	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...
3	Tuyên Quang	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...
4	Điện Biên	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...
5	Lai Châu	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...
6	Sơn La	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...
...	...	...	...				
34	Cà Mau	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...
	Tổng cộng cả nước	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...	Hạng I;... Hạng II:... Hạng III:...

Ghi chú: Mục đích tổng hợp được năng lực tham gia hoạt động xây dựng theo từng lĩnh vực của cá nhân hoạt động xây dựng có đăng ký thường trú/cư trú trên địa bàn tỉnh, thành phố, toàn quốc.

Dữ liệu về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng làm cơ sở để thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; lựa chọn cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; thực hiện các thủ tục hành chính khác có liên quan; tổng hợp về năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của địa phương và cả nước; thực hiện các hoạt động quản lý khác có liên quan.

⁸ Tổng hợp dữ liệu gồm các loại chứng chỉ hành nghề: (1) Khảo sát địa hình; (2) khảo sát địa chất

⁹ Tổng hợp dữ liệu gồm các loại chứng chỉ hành nghề: (1) Kết cấu công trình; (2) Công trình khai thác mỏ; (3) Công trình đường bộ; (4) Công trình đường sắt; (5) Công trình cầu – hầm; (6) Công trình đường thủy nội địa - hàng hải; (7) Công trình thủy lợi, đê điều; (8) Công trình cấp nước – thoát nước; (9) Công trình xử lý chất thải rắn; (10) Thiết kế cơ – điện; (11) Thiết kế hệ thống – cấp thoát nước công trình; (12) Thiết kế hệ thống thông gió – cấp thoát nhiệt.

¹⁰ Tổng hợp dữ liệu gồm các loại chứng chỉ hành nghề: (1) Giám sát công tác xây dựng công trình; (2) Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình.

Phụ lục IV - Bảng số 07

Tổng hợp dữ liệu về lịch sử hoạt động của nhà thầu đã tham gia hoạt động xây dựng

STT	Tên nhà thầu	Mã số doanh nghiệp	Các dự án/công trình xây dựng đã thực hiện	Giải thưởng kiến trúc Quốc gia	Giải thưởng chất lượng công trình xây dựng	Giải thưởng công trình xây dựng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng, tài nguyên, bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường	Sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình	Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	Vi phạm hành chính về xây dựng	Tài chính*
1										
2										
3										
...										
...										

Ghi chú: Dữ liệu về tổ chức tham gia hoạt động xây dựng làm cơ sở xem xét, lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu, xây dựng và pháp luật khác có liên quan; thực hiện các hoạt động quản lý khác có liên quan.

() Liên kết với hệ thống dữ liệu có liên quan về: (i) Doanh thu của 03 năm gần nhất; (ii) Tổng tài sản (kết thúc năm tài chính); (iii) Lợi nhuận 03 năm gần nhất; (iv) Tổng dư nợ phải trả để đánh giá xếp hạng về năng lực tài chính của các tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.*

Việc sắp xếp thứ hạng các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng (riêng cho từng lĩnh vực quy hoạch, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, tư vấn giám sát, tư vấn quản lý dự án) được ứng dụng công nghệ để đánh giá tự động theo từng tiêu chí (khen thưởng, vi phạm, sự cố, công trình đã thực hiện, năng lực tài chính...), từng lĩnh vực.

Phụ lục IV - Bảng số 09

Bảng tổng hợp dữ liệu thực tế về tình hình thực hiện dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, nhà nước ngoài đầu tư công, dự án PPP tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh; các dự án thuộc quản lý của Bộ, Cơ quan ngang bộ, Ngành và trên toàn quốc

TT	Xã/phường/ đặc khu; Tỉnh/thành phố; Bộ, ngành; toàn quốc	Tổng số dự án đầu tư công (Tổng hợp theo nguồn vốn, theo loại dự án hoặc tổng thể)	Tỷ lệ % khối lượng hoàn thành (Tổng hợp theo nguồn vốn, theo loại dự án hoặc tổng thể)	Tỷ lệ % giải ngân theo kế hoạch vốn (Tổng hợp theo nguồn vốn, theo loại dự án hoặc tổng thể)	Tỷ lệ % giải ngân theo hợp đồng (Tổng hợp theo nguồn vốn, theo loại dự án hoặc tổng thể)	Sự có trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình	Sự có kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	Vi phạm hành chính về xây dựng	Cảnh báo (nếu có) về chậm tiến độ	Tổng hợp vướng mắc (Tổng hợp theo nguồn vốn, theo loại dự án hoặc tổng thể)*
I	Các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương									
1										
2										
...										
...										
3321										
II	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương									
1	Hà Nội									
2	Cao Bằng									
3	Tuyên Quang									
4	Điện Biên									
5	Lai Châu									
6	Sơn La									
...	...	...	...							
34	Cà Mau									
III	Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Ngành									
	Tổng cộng toàn quốc									

(*): Sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo để tổng hợp, phân loại vướng mắc theo ngành, lĩnh vực, đề xuất giải pháp chuyển đến cơ quan có thẩm quyền theo chức năng nhiệm vụ để quyết định.

Phụ lục IV - Bảng số 10

**Bảng dữ liệu thực tế về tình hình thực hiện của từng dự án đầu tư xây dựng
sử dụng vốn khác tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và
trên toàn quốc**

Cơ quan quản lý nhà nước (UBND xã, phường, đặc khu; UBND tỉnh)	Mã số dự án đầu tư xây dựng	Tiến độ thực hiện	Tỷ lệ % khối lượng hoàn thành	Sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình	Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	Vi phạm hành chính về xây dựng	Cảnh báo (nếu có) về chậm tiến độ	Báo cáo vướng mắc (nếu có)
1		Đã cấp giấy phép xây dựng/Đã thông báo khởi công xây dựng/đã khởi công xây dựng/đã nghiệm thu giai đoạn 1,2,3,.../hoàn thành đưa vào sử dụng						
2								
3								
...								
Toàn quốc								

Phụ lục IV - Bảng 11

Bảng tổng hợp dữ liệu thực tế về tình hình thực hiện của tổng thể các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc

TT	Xã/phường/ đặc khu; Tỉnh/thành phố	Tổng số dự án (Tổng hợp theo từng loại dự án đầu tư xây dựng)	Tỷ lệ % khối lượng hoàn thành (Tổng hợp theo từng loại dự án đầu tư xây dựng hoặc tổng thể)	Sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình	Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	Vi phạm hành chính về xây dựng	Cảnh báo (nếu có) về chậm tiến độ	Tổng hợp vướng mắc (Tổng hợp theo từng loại dự án đầu tư xây dựng hoặc tổng thể)*
I	Các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương							
1								
2								
...								
...								
3321								
II	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương							
1	Hà Nội							
2	Cao Bằng							
3	Tuyên Quang							
4	Điện Biên							
5	Lai Châu							
6	Sơn La							
...	...	...	...					
34	Cà Mau							
	Tổng cộng toàn quốc							

Phụ lục IV - Bảng số 12

Bảng tổng hợp dữ liệu về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng, chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc

TT	Xã/phường/ đặc khu; Tỉnh/thành phố	Tổng số công trình (Tổng hợp theo từng loại công trình xây dựng)	Tổng diện tích sàn xây dựng (Tổng hợp theo từng loại công trình xây dựng)	Sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình	Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	Vi phạm hành chính về xây dựng	Tổng hợp vướng mắc (Tổng hợp theo từng loại dự án đầu tư xây dựng hoặc tổng thể)*
I	Các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương						
1							
2							
...							
...							
3321							
II	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương						
1	Hà Nội						
2	Cao Bằng						
3	Tuyên Quang						
4	Điện Biên						
5	Lai Châu						
6	Sơn La						
...	...	...	...				
34	Cà Mau						
	Tổng cộng toàn quốc						

Phụ lục IV - Bảng số 13

Bảng tổng hợp dữ liệu về công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng; không phải cấp giấy phép xây dựng tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc

TT	Xã/phường/ đặc khu; Tỉnh/thành phố	Tổng số công trình (Tổng hợp theo từng loại công trình xây dựng)	Tổng diện tích sàn xây dựng (Tổng hợp theo từng loại công trình xây dựng)	Sự cố trong quá trình thi công xây dựng và khai thác, sử dụng công trình	Sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động trong thi công xây dựng	Vi phạm hành chính về xây dựng	Tổng hợp vướng mắc (Tổng hợp theo từng loại dự án đầu tư xây dựng hoặc tổng thể)*
I	Các xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương						
1							
2							
...							
...							
3321							
II	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương						
1	Hà Nội						
2	Cao Bằng						
3	Tuyên Quang						
4	Điện Biên						
5	Lai Châu						
6	Sơn La						
...	...	...	...				
34	Cà Mau						
	Tổng cộng toàn quốc						

(*): Sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo để tổng hợp, phân loại vướng mắc theo ngành, lĩnh vực, đề xuất giải pháp chuyển đến cơ quan có thẩm quyền theo chức năng nhiệm vụ để quyết định.

Phụ lục IV - Bảng số 14

Bảng tổng hợp dữ liệu của địa phương về tình hình công trình mới được khởi công; đang được thi công xây dựng; đã hoàn thành, đưa vào sử dụng và số công trình được kiểm tra, đánh giá chất lượng tại từng đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và trên toàn quốc¹¹

Tên địa phương:				
TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu thống kê trong năm (từ 01/01 đến 31/12 hàng năm)	Ghi chú
1	2	3	4	6
1	Tổng số công trình mới được khởi công, đang được thi công xây dựng và đã hoàn thành và đưa vào sử dụng	Công trình		
1.1	<i>Số công trình mới khởi công phân theo loại công trình</i>	nt		
1.1.1	Dân dụng	nt		
1.1.2	Công nghiệp nhẹ và VLXD	nt		
1.1.3	Giao thông	nt		
1.1.4	Hạ tầng kỹ thuật	nt		
1.2	<i>Số công trình đang thi công xây dựng phân theo loại công trình</i>	nt		
1.2.1	Dân dụng	nt		
1.2.2	Công nghiệp nhẹ và VLXD	nt		
1.2.3	Giao thông	nt		
1.2.4	Hạ tầng kỹ thuật	nt		

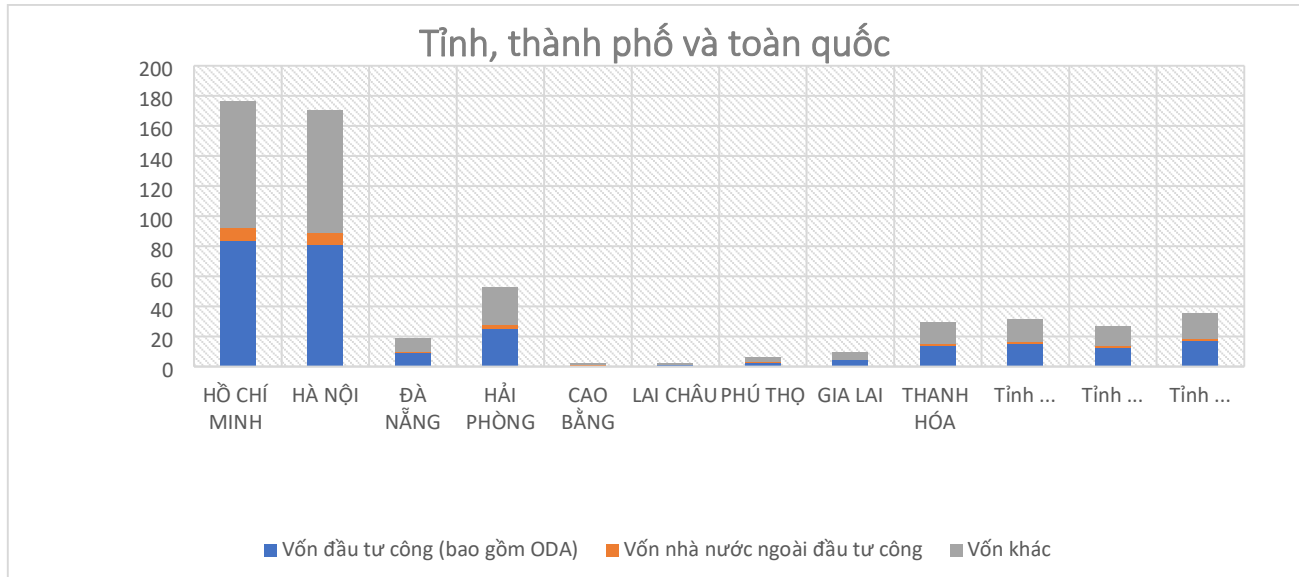
¹¹ Việc kết nối, liên kết, đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống dữ liệu, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng với hệ thống về “Giải pháp chuyển đổi số” của Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

1.3	<i>Số công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng phân theo loại công trình</i>	nt		
1.3.1	Dân dụng	nt		
1.3.2	Công nghiệp nhẹ và VLXD	nt		
1.3.3	Giao thông	nt		
1.3.4	Hạ tầng kỹ thuật	nt		
2	Tổng số công trình được kiểm tra, đánh giá chất lượng	nt		
2.1	Số công trình đạt yêu cầu về chất lượng	nt		
2.2	Số công trình không đạt yêu cầu về chất lượng	nt		

Phụ lục IV - Bảng số 15

Một số ví dụ minh họa thông tin về hoạt động xây dựng

Ví dụ 1. Thông tin về tổng vốn đầu tư xây dựng (tổng mức đầu tư của toàn bộ dự án đầu tư xây dựng) và phân bố tổng vốn theo loại dự án đầu tư xây dựng trong xã, phường, đặc khu hoặc tỉnh/thành phố hoặc toàn quốc¹²



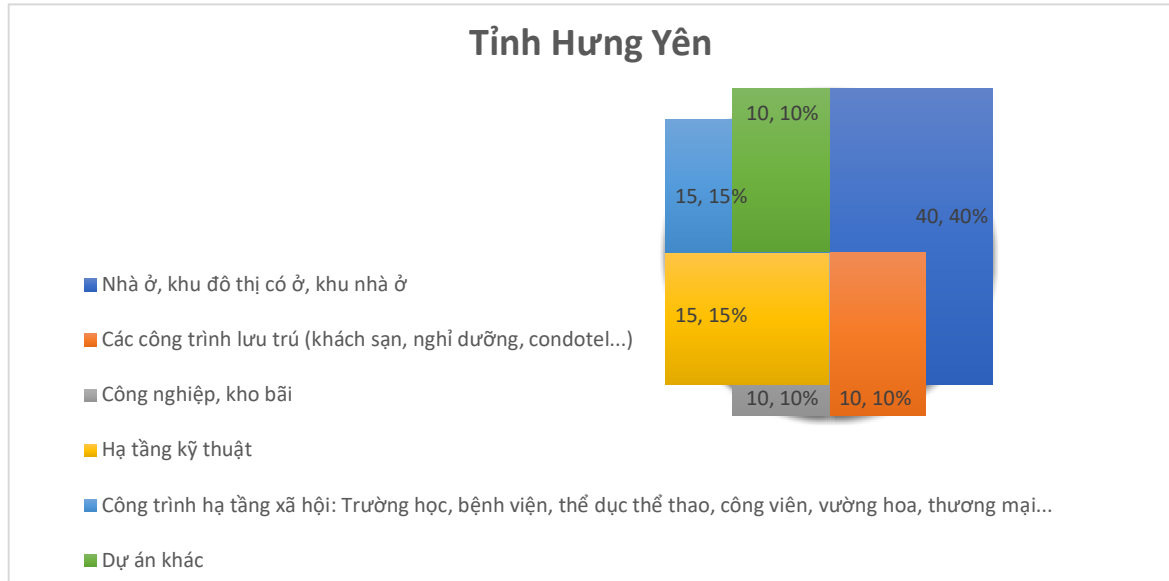
Tổng vốn đầu tư xây dựng toàn quốc năm 2025: 1000.000 tỷ đồng bao gồm:

- Tổng vốn đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công (bao gồm ODA) 500.000 tỷ đồng
- Tổng vốn đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài đầu tư công: 100.000 tỷ đồng
- Tổng vốn đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác: 400.000 tỷ đồng

Thông tin tại Bảng này có thể trích xuất theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

¹² Thông tin này phục vụ để đánh giá quy mô thị trường xây dựng, dự báo, xây dựng kế hoạch.

Ví dụ 2. Thông tin phân bố các loại công trình trong xã, phường, đặc khu hoặc tỉnh/thành phố hoặc toàn quốc

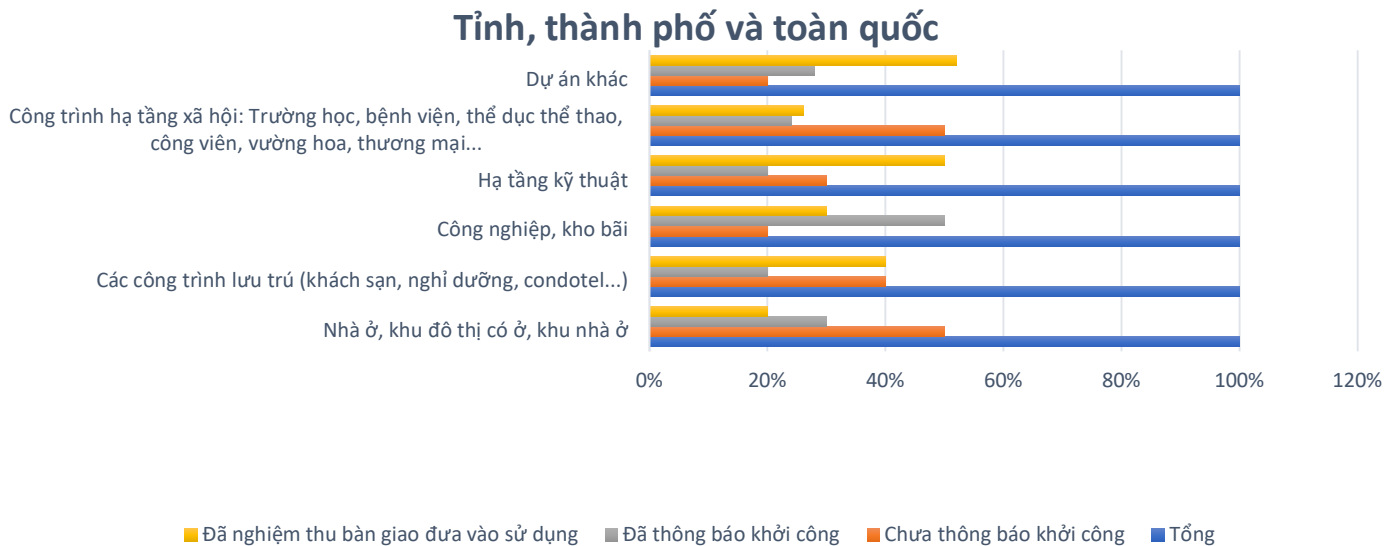


Ghi chú: Các màu được sử dụng để quản lý theo quy hoạch đô thị và nông thôn.

Tổng số dự án đầu tư xây dựng: dự án, trong đó:

- Nhà ở, khu đô thị có ở, khu nhà ở: ... dự án, chiếm 40,4%
- Khách sạn, nghỉ dưỡng, condotel,... (dịch vụ lưu trú du lịch khác): dự án, chiếm 10,1%
- Công nghiệp, kho bãi: ... dự án, chiếm 10,1%
- Hạ tầng kỹ thuật: ... dự án, chiếm 15,5%
- Hạ tầng xã hội: ... dự án, chiếm 15,15%
- Dự án khác: dự án, chiếm 10,1%.

Ví dụ 3. Dữ liệu về tình hình triển khai đầu tư xây dựng



Tổng số dự án đầu tư xây dựng: dự án, trong đó:

- Nhà ở, khu đô thị có ở, khu nhà ở: ... dự án, trong đó: chưa thông báo khởi công ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã thông báo khởi công... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%.

- Khách sạn, nghỉ dưỡng, condotel,... (dịch vụ lưu trú du lịch khác): dự án, chưa thông báo khởi công ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã thông báo khởi công... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%.

- Công nghiệp, kho bãi: ... dự án; chưa thông báo khởi công ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã thông báo khởi công... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%.

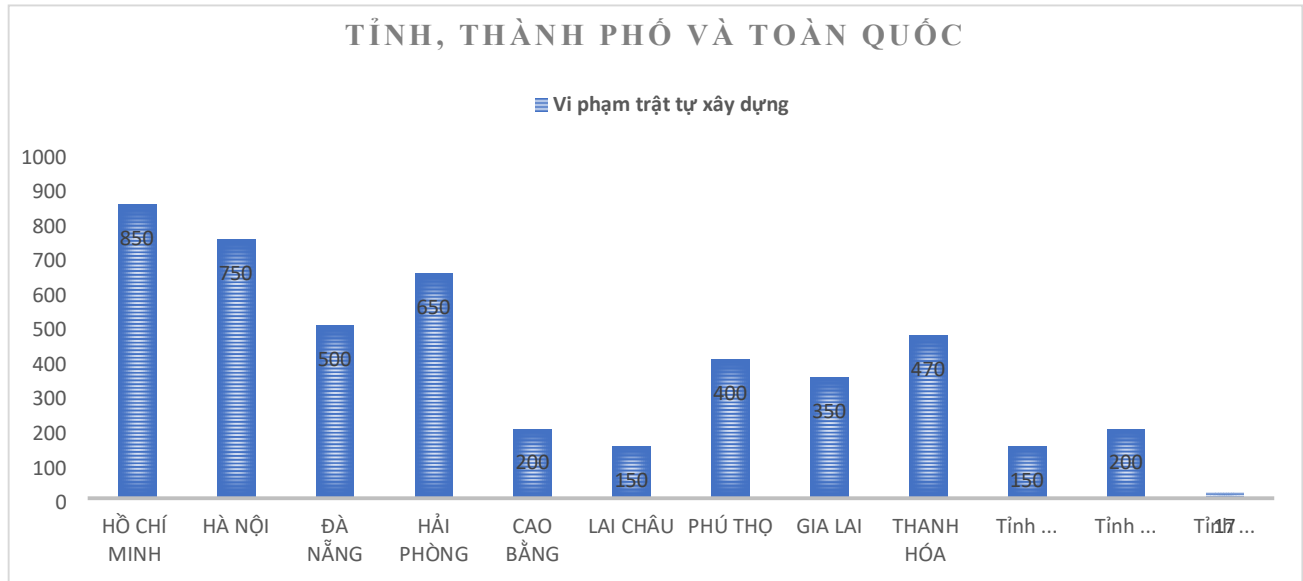
- Hạ tầng kỹ thuật: ... dự án, chưa thông báo khởi công ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã thông báo khởi công... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%.

- Hạ tầng xã hội: ... dự án; chưa thông báo khởi công ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã thông báo khởi công... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%.

- Dự án khác: dự án; chưa thông báo khởi công ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã thông báo khởi công... dự án, chiếm tỷ lệ ...%; đã nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng ... dự án, chiếm tỷ lệ ...%.

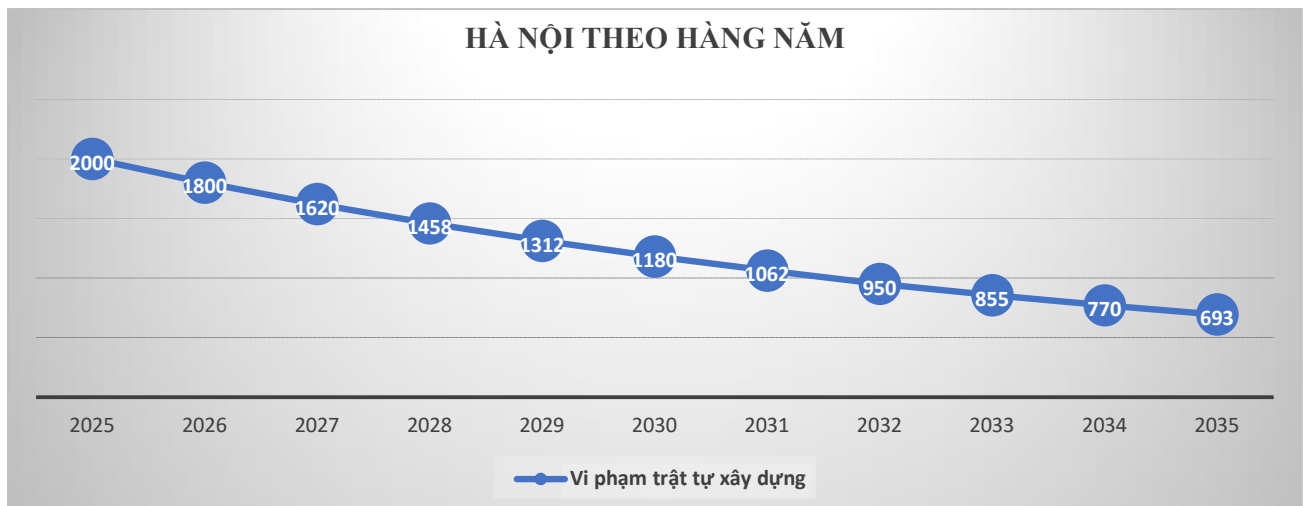
Thông tin tại Bảng này có thể trích xuất theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

Ví dụ 4. Số lượng và phân bổ vi phạm trật tự xây dựng theo tỉnh, toàn quốc



Tổng số vi phạm trật tự xây dựng trên toàn quốc: 3.500 vi phạm, trong đó:

TP Hồ Chí Minh: 850 vi phạm, chiếm ...%; Hà Nội: 750 vi phạm, chiếm ...%; tỉnh



Tổng số vi phạm trật tự xây dựng năm 2025 tại Hà Nội là 2.000 vi phạm. Vi phạm trật tự xây dựng giảm hàng năm, đến 2035 có 693 vi phạm, tương ứng giảm 65,35%.

Thông tin tại Bảng này có thể trích xuất theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

**Ví dụ 5. Thông tin về suất vốn đầu tư xây dựng thực tế sau quyết toán
vốn đầu tư xây dựng của từng loại dự án đầu tư xây dựng**

T T	Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền	Suất vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng (<i>chi tiết các loại dự án theo Mục I Phụ lục X NĐ 175/2024</i>)	Suất vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp (<i>chi tiết các loại dự án theo Mục II Phụ lục X NĐ 175/2024</i>)	Suất vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (<i>chi tiết các loại dự án theo Mục III Phụ lục X NĐ 175/2024</i>)	Suất vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (<i>chi tiết các loại dự án theo Mục IV Phụ lục X NĐ 175/2024</i>)	Suất vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông (<i>chi tiết các loại dự án theo Mục V Phụ lục X NĐ 175/2024</i>)	Suất vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp (<i>chi tiết các loại dự án theo Mục VII Phụ lục X NĐ 175/2025</i>)
I	Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương						
1	Thành phố Hà Nội						
2	Cao Bằng						
3	Tuyên Quang						
4	Điện Biên						
5	Lai Châu						
6	Sơn La						
...	...	...	...	...	...		
34	Cà Mau						
II	Các bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành						
1	Bộ Xây dựng						
2	Bộ Công Thương						
3	Bộ Nông nghiệp và Môi trường						
	Trung bình suất vốn đầu tư cả nước						

Ghi chú: Thông tin về suất vốn đầu tư xây dựng thực tế sau quyết toán vốn đầu tư xây dựng của từng loại dự án đầu tư xây dựng làm cơ sở xem xét quyết định/chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng; thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thực hiện các hoạt động quản lý khác có liên quan.

Thông tin tại Bảng này có thể trích xuất theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm.

Phụ lục V

**Các Biểu mẫu cung cấp thông tin về dữ liệu mở trong hệ thống thông tin,
Cơ sở dữ liệu mở của về hoạt động xây dựng được công bố, công khai theo
quy định**



*phụ lục kèm theo Thông tư số 24./2025/TT-BXD
ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Bảng số 01	Cung cấp thông tin về dữ liệu mở của quy hoạch đô thị và nông thôn
Bảng số 02	Cung cấp thông tin về dữ liệu mở của dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng
Bảng số 03	Cung cấp thông tin về dữ liệu mở của công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng
Bảng số 04	Cung cấp thông tin về dữ liệu mở của công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng, không yêu cầu cấp giấy phép xây dựng, chỉ yêu cầu thông báo khởi công xây dựng công trình
Bảng số 05	Cung cấp thông tin về dữ liệu mở về năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu đã tham gia hoạt động xây dựng
Bảng số 06	Cung cấp thông tin về dữ liệu mở về năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng

Phụ lục V - Bảng số 01

Cung cấp thông tin về dữ liệu mở của quy hoạch đô thị và nông thôn

STT	Thông tin về dữ liệu mở về quy hoạch đô thị và nông thôn	Nội dung
1	Tên quy hoạch	... (Mã số thông tin quy hoạch:)
2	Loại quy hoạch	
3	Cấp độ quy hoạch	
4	Loại điều chỉnh quy hoạch	
5	Địa điểm quy hoạch (nơi quy hoạch được lập)	
6	Quy mô, diện tích lập quy hoạch	
7	Số quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (đối với các quy hoạch có yêu cầu phải lập nhiệm vụ quy hoạch)	
8	Cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch (đối với các quy hoạch có yêu cầu phải lập nhiệm vụ quy hoạch)	
9	Cơ quan tổ chức lập quy hoạch	
10	Cơ quan thẩm định quy hoạch	
11	Cơ quan phê duyệt quy hoạch	
13	Quy mô dân số dự báo	
14	Thời hạn quy hoạch	
15	Quy định quản lý theo quy hoạch	
16	Kế hoạch thực hiện quy hoạch chung	
17	Quy chế quản lý kiến trúc trong phạm vi lập quy hoạch (nếu có)	

Phụ lục V - Bảng số 02

Cung cấp thông tin về dữ liệu mở của dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

STT	Thông tin về dữ liệu mở của dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng	Nội dung thông tin
I	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	
1	Tên dự án	 (Mã số thông tin dự án:...)
2	Nhóm dự án	
3	Địa điểm xây dựng	
4	Người quyết định đầu tư	
5	Chủ đầu tư	
6	Mục tiêu đầu tư	
7	Quy mô đầu tư	
8	Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	
9	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	
II	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với trường hợp công trình xây dựng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng	
1	Mã số thông tin dự án đầu tư xây dựng	
2	Tên công trình	 (Mã số thông tin công trình:...)
3	Loại công trình	
4	Cấp công trình	
5	Địa điểm xây dựng	
6	Chủ đầu tư	
7	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	
8	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	
9	Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	
10	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	
11	Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	
III	Giấy phép xây dựng	
1	Tên công trình xây dựng	 (Mã số thông tin công trình:...)
2	Loại, cấp công trình	
3	Địa điểm xây dựng	
4	Chủ đầu tư	
5	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	
6	Giấy phép xây dựng	
7	Thông báo khởi công công trình xây dựng	

Phụ lục V - Bảng số 03

Cung cấp thông tin về dữ liệu mở về công trình xây dựng không yêu cầu lập dự án đầu tư xây dựng chỉ yêu cầu cấp giấy phép xây dựng

STT	Cấp giấy phép xây dựng	Nội dung
1	Tên công trình xây dựng	
2	Loại, cấp công trình	
3	Địa điểm xây dựng	
4	Chủ hộ gia đình	
5	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	
6	Giấy phép xây dựng	
7	Thông báo khởi công công trình xây dựng	

Phụ lục V - Bảng số 04

Cung cấp thông tin về dữ liệu mở của công trình xây dựng không thuộc đối tượng thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng, không yêu cầu cấp giấy phép xây dựng, chỉ yêu cầu thông báo khởi công xây dựng công trình

STT	Thông báo khởi công xây dựng công trình	Nội dung
1	Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng	
2	Địa điểm xây dựng	
3	Chủ đầu tư/chủ hộ	
4	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	

Phụ lục V - Bảng số 05

Cung cấp thông tin về dữ liệu mở về năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu đã tham gia hoạt động xây dựng (Dữ liệu lịch sử năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu*)

1. Thông tin năng lực hoạt động xây dựng của Nhà thầu

STT	Thông tin năng lực hoạt động xây dựng của Nhà thầu	Nội dung
1	Tên Nhà thầu	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:....; - Địa chỉ trụ sở chính:
1	Quy mô các dự án đã tham gia	Số lượng dự án nhóm A, B, C; cấp đặc biệt, I, II, III
2	Các giải thưởng đã đạt được	Thông tin về các loại giải thưởng của Nhà thầu
3	Các sự cố	Thông tin về các sự cố có liên quan đến nhà thầu
4	Vi phạm hành chính về xây dựng	Thông tin về các vi phạm hành chính đối với nhà thầu

2. Danh sách nhà thầu theo lĩnh vực hoạt động xây dựng

STT	Thiết kế xây dựng/Thi công xây dựng/...	Số lượng và quy mô dự án đã thực hiện
1	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:....; - Địa chỉ trụ sở chính:	... dự án nhóm A, ... nhóm B, nhóm ...C; ... công trình cấp đặc biệt; ... công trình cấp I; công trình cấp II; ... công trình cấp III.
2	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:....; - Địa chỉ trụ sở chính:	... dự án nhóm A, ... nhóm B, nhóm ...C; ... công trình cấp đặc biệt; ... công trình cấp I; công trình cấp II; ... công trình cấp III.
3	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:....; - Địa chỉ trụ sở chính:	... dự án nhóm A, ... nhóm B, nhóm ...C; ... công trình cấp đặc biệt; ... công trình cấp I; công trình cấp II; ... công trình cấp III.
...		

3. Bảng xếp hạng nhà thầu được lựa chọn theo từng tiêu chí

Bảng 1. Bảng xếp hạng nhà thầu theo quy mô dự án đã được hiện

STT	Bảng xếp hạng nhà thầu thi công xây dựng/thiết kế xây dựng/... theo quy mô dự án đã được hiện
1	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:....; - Địa chỉ trụ sở chính:
2	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:....; - Địa chỉ trụ sở chính:
3	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:....; - Địa chỉ trụ sở chính:
...	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:....;

	- Địa chỉ trụ sở chính:
--	------------------------------

Bảng 2. Xếp hạng nhà thầu theo các giải thưởng đã đạt được

STT	Bảng xếp hạng nhà thầu thi công xây dựng/thiết kế xây dựng/... theo các giải thưởng đã đạt được
1	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
2	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
3	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
...	

Bảng 3. Xếp hạng nhà thầu theo sự cố, vi phạm hành chính về xây dựng có liên quan

STT	Bảng xếp hạng nhà thầu thi công xây dựng/thiết kế xây dựng/... theo sự cố, vi phạm hành chính về xây dựng liên quan đến nhà thầu
1	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
2	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
3	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
...	

Bảng 4. Xếp hạng nhà thầu theo thông tin tài chính của nhà thầu tham gia hoạt động

STT	Bảng xếp hạng nhà thầu thi công xây dựng/thiết kế xây dựng/... theo thông tin tài chính của nhà thầu tham gia hoạt động
1	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
2	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
3	- Công ty; - Mã số doanh nghiệp:.....; - Địa chỉ trụ sở chính:
...	

(*): Nhà thầu hoạt động xây dựng được tra cứu (theo mã số doanh nghiệp), tạo hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng trên cơ sở dữ liệu lịch sử được cung cấp. Nhà thầu hoạt động xây dựng có quyền phản ánh thông tin không chính xác liên quan đến lịch sử hoạt động xây dựng của mình đến cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nhập, cập nhật dữ liệu theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định số 111/2024.

Phụ lục V - Bảng số 06

Cung cấp thông tin về dữ liệu mở về năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng*
(Dữ liệu về lịch sử hành nghề hoạt động xây dựng)**

STT	Khảo sát xây dựng/Thiết kế quy hoạch đô thị và nông thôn/Thiết kế xây dựng... ¹³	Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	Tỉnh/thành phố/xã/phường/đặc khu	Số lượng và quy mô dự án đã thực hiện
1	Vũ Thành ...	...	...	... dự án nhóm A, ... nhóm B, nhóm ...C; ... công trình cấp đặc biệt; ... công trình cấp I; ... công trình cấp II; ... công trình cấp III/loại đồ án quy hoạch đô thị nông thôn đã thực hiện.
2	Bùi Quang ...			
3	Nguyễn Thanh ...		...	... dự án nhóm A, ... nhóm B, nhóm ...C; ... công trình cấp đặc biệt; ... công trình cấp I; ... công trình cấp II; ... công trình cấp III/loại đồ án quy hoạch đô thị nông thôn đã thực hiện.
...	...	...	...	...

(*): Chi tiết lĩnh vực hoạt động xây dựng của cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024.

Danh sách và năng lực hành nghề Khảo sát xây dựng/Thiết kế quy hoạch đô thị và nông thôn/Thiết kế xây dựng/Giám sát thi công xây dựng/Định giá xây dựng/Quản lý dự án đầu tư xây dựng/Chỉ huy trưởng công trường/Kiểm định xây dựng... có thể tra cứu theo địa bàn từng tỉnh, thành phố, xã, phường, đặc khu.

(**): Cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng được tra cứu (theo số định danh cá nhân), tạo hồ sơ năng lực hành nghề trên cơ sở dữ liệu lịch sử được cung cấp. Cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng có quyền đề xuất, phản hồi thông tin không chính xác liên quan đến lịch sử hành nghề của mình đến cơ quan, tổ chức có trách nhiệm nhập, cập nhật dữ liệu theo quy định tại khoản 7 Điều 10 Nghị định số 111/2024.

¹³ Chi tiết lĩnh vực hoạt động xây dựng của cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 175/2024

Phụ lục VI

Các mẫu Phiếu đề nghị cung cấp, khai thác thông tin và mẫu phiếu cung cấp thông tin hoạt động xây dựng phục vụ tổ chức, cá nhân có nhu cầu hoạt động đầu tư xây dựng và các hoạt động khác có liên quan*

 *ban hành kèm theo Thông tư số 24./2025/TT-BXD
ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

Mẫu số 01	Phiếu đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn
Mẫu số 02	Phiếu cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn phục vụ nhu cầu đầu tư xây dựng công trình
Mẫu số 03	Phiếu đề nghị cung cấp thông tin về dự án, công trình xây dựng
Mẫu số 04	Phiếu cung cấp thông tin về dự án, công trình xây dựng
Mẫu số 05	Phiếu đề nghị khai thác thông tin về hoạt động đầu tư xây dựng
Mẫu số 06	Phiếu cung cấp thông tin về về hoạt động đầu tư xây dựng
Mẫu số 07	Phiếu đề nghị khai thác thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu đã tham gia hoạt động xây dựng
Mẫu số 08	Phiếu cung cấp thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu đã tham gia hoạt động xây dựng

()*: Thông tin về hoạt động xây dựng được cung cấp theo lộ trình nhập, cập nhật dữ liệu và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định.

Các dịch vụ chia sẻ dữ liệu được nghiên cứu để liên tục phát triển đáp ứng yêu cầu phục vụ tổ chức, cá nhân có nhu cầu hoạt động đầu tư xây dựng và các hoạt động khác có liên quan.

Phụ lục VI - Mẫu số 01**Phiếu đề nghị cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ...tháng ... năm ...

PHIẾU ĐỀ NGHỊ**Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn trên môi trường mạng
(trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng)**

Kính gửi: Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Xây dựng

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

1. Họ và tên người/người đại diện tổ chức đề nghị:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....; 3. Giới tính:.....
4. Số định danh cá nhân:
5. Nơi cư trú ⁽²⁾:.....

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THỰC HIỆN THỦ TỤC (nếu có)

1. Họ, chữ đệm và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....; 3. Giới tính:.....
4. Số định danh cá nhân:

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ⁽³⁾:

1. Phạm vi đề nghị cung cấp chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc tại: (ghi rõ vị trí địa điểm của thửa đất/ô đất/lô đất (liên kết dữ liệu về quy hoạch và đất đai để xác định vị trí kèm tọa độ).
2. Mục đích yêu cầu khai thác:.....
3. Địa chỉ nhận kết quả:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP**(hoặc người gửi đề nghị)***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với doanh nghiệp)*

Phụ lục VI - Mẫu số 02

Phiếu cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn phục vụ nhu cầu đầu tư xây dựng công trình

**CỤC KINH TẾ - QUẢN LÝ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
PHÒNG/ĐƠN VỊ
CUNG CẤP THÔNG TIN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng năm

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN
(Trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng)

Kính gửi:.....

I. Thông tin cá nhân, cơ quan, tổ chức đề nghị cung cấp thông tin:

1. Họ và tên của cá nhân hoặc người đại diện cơ quan, tổ chức:

2. Số định danh cá nhân:

II. Thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng:

Phòng/Đơn vị cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phiếu số:

Kết quả như sau:

STT	Chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc của thửa đất/ô đất/lô đất	Thông số	Ghi chú
1	Vị trí địa điểm	Tọa độ (Mã số thông tin quy hoạch)	Theo GIS (liên kết với hệ thống dữ liệu về đất đai)
2	Diện tích lô đất		
3	Mục đích sử dụng đất (theo quy hoạch đô thị và nông thôn)		
4	Tầng cao		
5	Chiều cao công trình tối đa, tối thiểu đối với ô phố, lô phố (nếu có)		
6	Cốt xây dựng		
7	Khoảng lùi công trình trên ô phố (nếu có)		
8	Mật độ xây dựng (nếu có)		
9	Hệ số sử dụng đất (nếu có)		
10	Hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của công trình (nếu có)		
11	Giới hạn chiều cao tầng một (hoặc tầng trệt) trở xuống, kích thước và cốt cao độ của các ban công, lô gia, mái (nếu có)		

....., ngày tháng năm

TM. THỦ TRƯỞNG PHÒNG/ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số)

Phụ lục VI - Mẫu số 03

Phiếu đề nghị cung cấp thông tin về dự án, công trình xây dựng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ...tháng ... năm ...

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

Cung cấp thông tin về dự án, công trình xây dựng
(trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng)

Kính gửi: Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Xây dựng

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

- Họ và tên người/người đại diện tổ chức đề nghị:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....; 3. Giới tính:.....
- Số định danh cá nhân:
- Nơi cư trú ⁽²⁾:.....

II. THÔNG TIN NGƯỜI ĐẠI DIỆN THỰC HIỆN THỦ TỤC (nếu có)

- Họ, chữ đệm và tên:.....
- Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....; 3. Giới tính:.....
- Số định danh cá nhân:

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

- Phạm vi đề nghị cung cấp thông tin về dự án, công trình xây dựng: (nhập tên dự án/công trình xây dựng; vị trí địa điểm (liên kết dữ liệu về quy hoạch và đất đai để xác định vị trí kèm tọa độ).

Chọn các thông tin đề nghị cung cấp: Mục đích sử dụng đất (theo quy hoạch đô thị và nông thôn)/Tiến độ thực hiện dự án theo chủ trương đầu tư được phê duyệt hoặc chấp thuận/Tiến độ thực tế triển khai/Các giấy tờ hợp pháp đất đai/Loại hình công trình/ Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu/Tài liệu pháp lý có liên quan/Danh sách nhà thầu tham gia dự án/Sự cố phát sinh trong quá trình khai thác sử dụng công trình/Thông tin về bảo hành, bảo trì.

- Mục đích yêu cầu khai thác:.....
- Địa chỉ nhận kết quả:.....

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(hoặc người gửi đề nghị)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với doanh nghiệp)

Phụ lục VI - Mẫu số 04

Phiếu cung cấp thông tin về dự án, công trình xây dựng

CỤC KINH TẾ - QUẢN LÝ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
PHÒNG/ĐƠN VỊ
CUNG CẤP THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng.... năm

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG (Trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng)

Kính gửi:.....

I. Thông tin cá nhân, cơ quan, tổ chức đề nghị cung cấp thông tin:

1. Họ và tên của cá nhân hoặc người đại diện cơ quan, tổ chức:

2. Số định danh cá nhân:

II. Thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng:

Phòng/Đơn vị cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phiếu số:

Kết quả như sau (được cung cấp tương ứng theo nội dung đề nghị):

STT	Thông tin về dự án, công trình xây dựng	Thông số	Ghi chú
1	Tên dự án/công trình xây dựng	... (Mã số thông tin dự án/công trình xây dựng)	Cung cấp theo nội dung được đề nghị
2	Vị trí địa điểm	...	
3	Mục đích sử dụng đất (theo quy hoạch đô thị và nông thôn)	...	
4	Tiến độ thực hiện dự án theo chủ trương đầu tư được phê duyệt/chấp thuận	...	
5	Tiến độ thực tế triển khai	- Chưa được cấp giấy phép xây dựng/ Đã cấp giấy phép xây dựng - Chưa thông báo khởi công/Đã thông báo khởi công - Chưa được chấp thuận nghiệm thu lần 1,2,3.../Đã chấp thuận nghiệm thu lần 1,2,3... - Đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện đưa bất động sản vào kinh doanh	
6	Các giấy tờ hợp pháp đất đai	Theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 175/2024	

7	Loại hình công trình	- Nhà ở riêng lẻ/nhà ở thương mại/nhà ở công vụ/ Nhà ở phục vụ tái định cư/ Nhà ở xã hội/ Nhà lưu trú công nhân/ Nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân - Công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích giáo dục/y tế/thể thao/văn hóa/văn phòng/ thương mại, dịch vụ/du lịch/lưu trú/công nghiệp và công trình xây dựng có công năng phục vụ hỗn hợp - Các loại công trình xây dựng khác theo quy định của pháp luật về xây dựng, kinh doanh bất động sản, nhà ở và pháp luật khác có liên quan.	
8	Quy mô đầu tư xây dựng chủ yếu	Theo Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải cấp phép/thiết kế được thẩm định đối với trường hợp miễn phép	
9	Tài liệu pháp lý có liên quan	- Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; Quyết định phê duyệt dự án; Quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/Các kết quả điều chỉnh (nếu có) - Giấy phép xây dựng/GPXD điều chỉnh (nếu có) - Tài liệu kiểm tra, chấp thuận nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.	
10	Danh sách nhà thầu tham gia dự án	Khảo sát; thiết kế xây dựng, thẩm tra, thi công, quản lý dự án, giám sát.	
11	Sự cố phát sinh trong quá trình khai thác sử dụng công trình	Dữ liệu về sự cố phát sinh trong quá trình sử dụng công trình.	
12	Thông tin về bảo hành, bảo trì	Lịch sử bảo hành, bảo trì công trình xây dựng	

....., ngày.....tháng.....năm.....
TM. THỦ TRƯỞNG PHÒNG/ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số)

Phụ lục VI - Mẫu số 05

Phiếu đề nghị khai thác thông tin về hoạt động đầu tư xây dựng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ...tháng ... năm ...

PHIẾU ĐỀ NGHỊ
Cung cấp thông tin về hoạt động đầu tư xây dựng
(trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng)

Kính gửi: Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Xây dựng

I. THÔNG TIN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ

1. Tên tổ chức:.....; Mã số doanh nghiệp:
2. Họ và tên người/người đại diện tổ chức đề nghị:.....
3. Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....; 3. Giới tính:.....
4. Số định danh cá nhân:
5. Nơi cư trú:.....

II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

1. Phạm vi đề nghị khai thác thông tin về hoạt động đầu tư xây dựng:
 - Khai thác đầy đủ dữ liệu tại các bảng tổng hợp dữ liệu, thông tin về hoạt động xây dựng theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.
 - Tạo lập thông tin về thị trường đầu tư xây dựng trên nền tảng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.
2. Mục đích yêu cầu khai thác:.....
3. Địa chỉ nhận kết quả:.....
-

Nơi nhận:

- Như trên;

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP

(hoặc người gửi đề nghị)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với doanh nghiệp)

Phụ lục VI - Mẫu số 06

Phiếu cung cấp thông tin về hoạt động đầu tư xây dựng

CỤC KINH TẾ - QUẢN LÝ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
PHÒNG/ĐƠN VỊ
CUNG CẤP THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày ... tháng.... năm

PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG (Trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng)

Kính gửi:.....

I. Thông tin cá nhân, cơ quan, tổ chức đề nghị cung cấp thông tin:

1. Tên tổ chức:; mã số doanh nghiệp:

2. Họ và tên của cá nhân hoặc người đại diện cơ quan, tổ chức:

2. Số định danh cá nhân:

II. Thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng:

Phòng/Đơn vị cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phiếu số:

Kết quả như sau (cung cấp tương ứng theo nội dung đề nghị):

Thông tin hoạt động đầu tư xây dựng:

- Các bảng tổng hợp dữ liệu, thông tin về hoạt động xây dựng theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

- Được tạo lập thông tin về thị trường đầu tư xây dựng trên nền tảng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

....., ngày.....tháng.....năm.....

TM. THỦ TRƯỞNG PHÒNG/ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐỀ NGHỊ

Kính gửi: Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng - Bộ Xây dựng

[illegible]

1. Phạm vi đề nghị cung cấp thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu:

- Khai đầy đủ dữ liệu lịch sử hoạt động xây dựng của nhà thầu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;
- Tạo lập hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng trên nền tảng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Mục đích yêu cầu khai thác:.....

3. Địa chỉ nhận kết quả:.....

.....

TM. TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu đối với doanh nghiệp)

- Như trên:

.....

Phụ lục VI - Mẫu số 08

Phiếu cung cấp thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu

**CỤC KINH TẾ - QUẢN LÝ
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
PHÒNG/ĐƠN VỊ
CUNG CẤP THÔNG TIN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng.... năm

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA
CÁ NHÂN HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

(Trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng)

Kính gửi:.....

I. Thông tin tổ chức đề nghị cung cấp thông tin:

1. Tên tổ chức:; mã số doanh nghiệp (trường hợp là doanh nghiệp):
2. Họ và tên của cá nhân hoặc người đại diện cơ quan, tổ chức:
3. Số định danh cá nhân:

II. Thông tin trong hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng:

Phòng/Đơn vị cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phiếu số:

Kết quả như sau (cung cấp tương ứng theo nội dung đề nghị):

- Được khai đầy đủ dữ liệu lịch sử hoạt động xây dựng của nhà thầu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;
- Được tạo lập hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng trên nền tảng của Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

....., ngày.....tháng.....năm.....

TM. THỦ TRƯỞNG PHÒNG/ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu hoặc ký số)

Phụ lục VII

Ví dụ minh họa về mã số dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2025/TT-BXD
ngày 29 tháng 08 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

Ví dụ 1. Ví dụ mã số dữ liệu về quy hoạch đô thị và nông thôn

STT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Diễn giải	Mã tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương nơi lập quy hoạch		Năm trình phê duyệt quy hoạch		Cấp độ quy hoạch	Loại quy hoạch	Loại điều chỉnh quy hoạch	Dãy số ngẫu nhiên				
Mã số TTQH	0	1	2	6	1	1	0	8	8	8	8	8
Dữ liệu	Hà Nội		Năm trình phê duyệt là năm 2026		Quy hoạch chung	Quy hoạch đô thị	Quy hoạch lập lần đầu hoặc lập mới	88888				
Thông tin: Mã số 012611088888 là thông tin Quy hoạch chung Hà Nội được lập mới và trình phê duyệt vào năm 2026, số ngẫu nhiên 88888												

Ví dụ 2. Ví dụ về mã số dữ liệu dự án đầu tư xây dựng

STT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Diễn giải	Mã tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương		Năm dự án được thẩm định		Loại dự án	Trình tự thủ tục	Dãy số ngẫu nhiên					Số lần thực hiện điều chỉnh	
Mã số TTDA	2	5	2	8	1	1	0	0	1	6	8	0	3
Dữ liệu	Phú Thọ		2028		Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng	Dự án đầu tư xây dựng có yêu cầu thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng	00168					Điều chỉnh lần 03	

Thông tin: Mã số dự án 2528110016803 là mã số dữ liệu dự án đầu tư xây dựng công trình tại tỉnh Phú Thọ, năm 2028, loại dự án công trình dân dụng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, điều chỉnh bổ sung 03 lần.